

**BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC LAO ĐỘNG - XÃ HỘI**

**BẢN MÔ TẢ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

CHUYÊN NGÀNH CÔNG TÁC XÃ HỘI

**TRÌNH ĐỘ: THẠC SĨ
MÃ CHUYÊN NGÀNH: 8760101**

Hà Nội, 2021

MỤC LỤC

I. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	3
1.1. Giới thiệu chương trình đào tạo	3
1.2. Thông tin chung	3
1.3. Sứ mạng, tầm nhìn và giá trị cốt lõi	Error! Bookmark not defined.
1.4. Mục tiêu của chương trình đào tạo (Program goals).....	5
1.5. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs)	5
1.6. Cơ hội việc làm và học tập sau đại học	12
1.7. Tiêu chí tuyển sinh, quá trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp	12
1.8. Chiến lược giảng dạy và học tập	14
1.9. Các phương pháp đánh giá	17
1.10. Mô tả sự liên hệ giữa Chuẩn đầu ra (PLOs), học phần, phương pháp dạy và học (TLMs) và phương pháp đánh giá (AMs)	22
II. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH GIẢNG DẠY	32
2.1. Cấu trúc chương trình giảng dạy	32
2.2. Các khối kiến thức chương trình giảng dạy	32
2.3. Danh sách học phần.....	35
2.4. Ma trận đáp ứng giữa các học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo	38
2.5. Ma trận Chiến lược phương pháp dạy và học của các học phần nhằm đáp ứng chuẩn đầu ra	42
2.6. Ma trận phương pháp đánh giá của các học phần nhằm đáp ứng chuẩn đầu ra	45
2.7. Tiến trình giảng dạy	48
2.8. Mô tả tóm tắt nội dung các học phần	49
2.9. Đối sánh CTĐT với Trường Đại học trong và ngoài nước đã tham khảo.....	49
III. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	54

I. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1.1. Giới thiệu chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ chuyên ngành Công tác xã hội được xây dựng theo định hướng ứng dụng nhằm đào tạo Thạc sĩ Công tác xã hội có đủ kiến thức tổng quát chung, có khả năng làm việc độc lập, tư duy sáng tạo và có năng lực phát hiện, giải quyết những vấn đề và ứng dụng vào can thiệp trong các bối cảnh và các nhóm đối tượng khác nhau thông qua các khối kiến thức và kỹ năng đa dạng trong lĩnh vực Công tác xã hội.

1.2. Thông tin chung

Bảng 1.1. Thông tin chung về chương trình đào tạo ngành Công tác xã hội

Tên chương trình đào tạo	Công tác xã hội (social work)
Mã ngành đào tạo	8760101
Trình độ đào tạo	Thạc sĩ
Thời gian đào tạo	2 năm
Tên gọi văn bằng	Thạc sĩ công tác xã hội
Trường cấp bằng	Trường Đại học Lao động - Xã hội
Khoa quản lý	Khoa Công tác xã hội
Số tín chỉ yêu cầu	60 tín chỉ
Website	www.uls.edu.vn
Fanpage	
Ban hành	Quyết định số 1023A/QĐ-ĐHLĐXH, ngày 10 tháng 5 năm 2021

1.3. Triết lý giáo dục, Sứ mạng, tầm nhìn và giá trị cốt lõi

1.3.1. Triết lý giáo dục

- **Giáo dục toàn diện (Comprehensive education):** Giáo dục toàn diện tại Trường Đại học Lao động - Xã hội được tổ chức có kế hoạch, có mục đích nhằm hình thành và phát triển toàn diện nhân cách người học về đạo đức, trí tuệ, thể chất, thẩm mỹ, cảm xúc và kỹ năng trên cơ sở đảm bảo sự kết hợp chặt chẽ giữa lý thuyết và thực hành, giữa học tập và hoạt động ngoại khóa.

- **Kiến tạo tương lai (Creating the future):** Trường Đại học Lao động - Xã hội là môi trường kiến tạo tương lai thông qua việc xây dựng thói quen học tập và tư duy tích cực cho người học; Hoạch định công việc cho tương lai; Đúc rèn ý chí quyết tâm để đạt được ước mơ, hoài bão; Tối ưu hóa việc sử dụng thời gian; Đánh giá đúng đắn và kiên định với mục tiêu; Đối thoại tích cực, giao tiếp hiệu quả. Nhà trường cung cấp môi trường

học tập và rèn luyện để người học có đủ năng lực kiến tạo tương lai cho chính bản thân.

● **Vươn tầm hội nhập (Reaching integration):** Trường Đại học Lao động - Xã hội kiến tạo môi trường học tập và nghiên cứu cho người học tiếp cận và bắt kịp trình độ, chuẩn mực tiên tiến thông qua việc xây dựng và phát triển chương trình đào tạo tương đồng với các trường đại học trong khu vực và thế giới; hợp tác đào tạo và nghiên cứu với các đối tác quốc tế. Nhà trường tạo môi trường để người học nâng cao trình độ chuyên môn, năng lực ngoại ngữ, tác phong làm việc, kỹ năng hội nhập, qua đó tạo nền tảng cho việc hội nhập.

1.3.2. *Sứ mạng, tầm nhìn và giá trị cốt lõi*

Bảng 1.2. *Sứ mạng, tầm nhìn và giá trị cốt lõi của Trường Đại học Lao động - Xã hội và Khoa Công tác xã hội*

	Trường Đại học Lao động - Xã hội	Khoa Công tác xã hội
Sứ mạng	Trường Đại học Lao động - Xã hội là cơ sở giáo dục đại học công lập duy nhất của ngành Lao Động Thương binh và Xã hội trong đào tạo nguồn nhân lực trình độ cao theo định hướng ứng dụng với thế mạnh là các ngành Quản trị nhân lực, Công tác xã hội, Bảo hiểm, Kế toán và Quản trị kinh doanh; là trung tâm nghiên cứu khoa học, chuyên giao công nghệ, hợp tác quốc tế trong lĩnh vực kinh tế - lao động - xã hội đáp ứng yêu cầu phát triển của Ngành, đất nước và hội nhập quốc tế.	Thúc đẩy sự phát triển bền vững của xã hội thông qua việc cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao cũng như chuyên gia tri thức, công nghệ trong lĩnh vực công tác xã hội từ đó đóng góp hữu hiệu vào sự phát triển và hội nhập sâu rộng của ngành Lao động - Thương binh và Xã hội cũng như cộng đồng, xã hội.
Tầm nhìn	Đến năm 2030, Trường Đại học Lao động – Xã hội trở thành trường Đại học hàng đầu Việt Nam trong đào tạo nguồn nhân lực trình độ cao thuộc lĩnh vực lao động - xã hội có kỹ năng thực hành nghề nghiệp thành thạo, năng động, sáng tạo trong công việc, đạo đức nghề nghiệp chuẩn mực; trở thành trung tâm nghiên cứu khoa học, chuyên giao công nghệ và hợp tác quốc tế có uy tín trong khu vực ASEAN	Đến năm 2030, Khoa công tác xã hội phấn đấu là cơ sở uy tín hàng đầu trong lĩnh vực đào tạo sau đại học ngành công tác xã hội ở Việt Nam nhằm cung cấp nguồn nhân lực CTXH chất lượng cao cho cộng đồng xã hội.
Giá trị cốt lõi	<ul style="list-style-type: none"> • Chuyên nghiệp. • Sáng tạo 	Chuyên nghiệp: nghiên cứu ứng dụng, giảng dạy và học tập

	Trường Đại học Lao động - Xã hội	Khoa Công tác xã hội
	<ul style="list-style-type: none"> Hội nhập 	<p>trong môi trường chuyên nghiệp.</p> <p>Sáng tạo: phong cách học tập và làm việc độc lập, năng động, thích ứng nhanh với các bối cảnh trong lĩnh vực CTXH.</p> <p>Hội nhập: Hội nhập là đối sánh và tiếp thu những thành tựu khoa học - công nghệ mới với các nước tiên tiến và ứng dụng một cách có chọn lọc với thực tiễn của cơ sở đào tạo.</p>

1.4. Mục tiêu của chương trình đào tạo (Program goals)

1.4.1. Mục tiêu tổng quát

Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ chuyên ngành Công tác xã hội được xây dựng theo định hướng ứng dụng trang bị cho học viên những kiến thức tổng quát chung làm nền tảng để mở rộng sự hiểu biết trong lĩnh vực CTXH. Ngoài ra, học sẽ có khả năng làm việc độc lập, tư duy sáng tạo và có năng lực phát hiện, giải quyết những vấn đề và ứng dụng vào can thiệp trong các bối cảnh và các nhóm đối tượng khác nhau thông qua các khối kiến thức và kỹ năng đa dạng trong lĩnh vực CTXH.

1.4.2. Mục tiêu cụ thể:

PO1: Có kiến thức tổng quát và các khối kiến thức như triết học, an sinh xã hội, tâm lý học hành vi, xã hội học... làm cơ sở trong việc vận dụng vào các học phần chuyên ngành trong lĩnh vực CTXH.

PO2: Có kiến thức thực hành ứng dụng và khả năng nghiên cứu độc lập từ đó vận dụng vào các hoạt động trong công tác xã hội.

PO3: Có kiến thức công tác xã hội chuyên sâu trong việc giải quyết vấn đề hoặc đáp ứng nhu cầu với từng nhóm đối tượng xã hội tập trung vào các lĩnh vực về tham vấn cũng như quản lý trường hợp trong hỗ trợ các nhóm đối tượng đa dạng khác nhau như trẻ em bị xâm hại, phụ nữ bị bạo lực gia đình, người nghèo, người khuyết tật, trẻ tự kỷ, người tâm thần và các lĩnh vực khác trong CTXH...

PO4: Có kiến thức về quản trị các cơ sở cung cấp dịch vụ, các dự án phát triển cộng đồng cũng như kiểm huấn nhân viên để từ đó thực hiện được tốt các công việc của người trưởng nhóm, lãnh đạo cơ sở.

PO5: Thực hành các kỹ năng quan sát, phân tích, đánh giá, thực hành nghề nghiệp

với các nhóm đối tượng yếu thế khác nhau và trang bị cho người học những kỹ năng phân tích và đánh giá, biện hộ và đề xuất được những nội dung liên quan tới các chương trình, chính sách đặc thù với các nhóm đối tượng.

PO6: Có thái độ tôn trọng pháp luật và chính sách của Đảng và Nhà nước; có năng lực ngoại ngữ và thái độ cầu thị trong việc học tập, nâng cao trình độ về phương pháp luận và tư duy khoa học sáng tạo; nghiêm túc, trách nhiệm trong công việc. Luôn có thái độ hoà nhã và sẵn sàng giúp đỡ đối tượng và đồng nghiệp trong công việc. Nâng cao trách nhiệm và thái độ đạo đức nghề nghiệp công tác xã hội.

1.5. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs)

PLO1: Vận dụng được các kiến thức cốt lõi về cơ sở lý luận, phương pháp nghiên cứu để phân tích và giải quyết các vấn đề phát sinh trong thực tiễn công việc và cuộc sống cũng như vận dụng được những tri thức về triết học, các chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước liên quan đến lĩnh vực công tác xã hội, chính sách xã hội và an sinh xã hội với các nhóm thân chủ.

PLO2: Hiểu và vận dụng thành thạo các kiến thức liên ngành về kinh tế, quản trị học cũng như phân tích và hoạch định chính sách xã hội an sinh xã hội, các kiến thức chuyên sâu về tham vấn tâm lý để phân tích và giải quyết vấn đề của các nhóm thân chủ.

PLO3: Tổng hợp được các kiến thức chuyên sâu, phát triển các kiến thức mới về Công tác xã hội nhằm bổ sung vào hệ thống lý thuyết, phương pháp và ứng dụng hiệu quả trong thực hành Công tác xã hội và quản trị Công tác xã hội.

PLO4: Hiểu và vận dụng thành thạo các kiến thức về các hành vi, kiến thức quản lý lãnh đạo trong việc hoạch định, xây dựng và quản lý việc cung ứng các dịch vụ công tác xã hội trong các cơ sở bảo trợ xã hội và ngoài cộng đồng.

PLO5: Hiểu và vận dụng thành thạo kiến thức về quản lý trường hợp và tham vấn với các nhóm thân chủ của Công tác xã hội.

PLO6: Phân tích, tổng hợp và đánh giá một cách toàn diện, chuyên sâu khi làm việc với các nhóm thân chủ khác nhau trong các cơ sở bảo trợ xã hội và tại cộng đồng, có kỹ năng đánh giá tác động của từng chính sách đến các nhóm thân chủ, điều phối, giám sát cung cấp dịch vụ xã hội và có khả năng nghiên cứu độc lập, phân tích tư vấn các chính sách xã hội.

PLO7: Phân tích tổng hợp được các vấn đề nghiên cứu, triển khai thiết kế các can thiệp cung cấp dịch vụ CTXH trong các cơ sở trợ giúp cũng như các kỹ năng triển khai các nghiên cứu trong lĩnh vực CTXH

PLO8: Thành thạo kỹ năng thực hành chuyên sâu Công tác xã hội cá nhân, nhóm, phát triển kỹ năng xây dựng dự án phát triển cộng đồng, để trợ giúp các nhóm đối tượng đặc thù trong bệnh viện, trường học, cộng đồng và cơ sở bảo trợ xã hội và các trung tâm chăm sóc và nuôi dưỡng đối tượng. Đồng thời có kỹ năng phát hiện, giải quyết độc lập những vấn đề liên quan đến công tác xã hội trong thực tiễn, có kỹ năng lồng ghép giới.

PLO9: Có kỹ năng lãnh đạo, quản lý, tổ chức và quản trị Công tác xã hội trong các môi trường đa dạng, phức tạp, cung cấp dịch vụ công tác xã hội.

PLO10: Hiểu và vận dụng được các kỹ năng trong trị liệu tâm lý, nghiên cứu hành vi, đánh giá hành vi của các nhóm thân chủ.

PLO11: Có lập trường, quan điểm rõ ràng, có thái độ chính trị, lập trường đúng đắn, hình thành bản lĩnh chính trị và phẩm chất đạo đức Cách Mạng; có đạo đức nghề nghiệp, đạo đức cá nhân và đạo đức xã hội, vận dụng phù hợp các quy điều đạo đức nghề Công tác xã hội trong việc thực hiện, vai trò và nhiệm vụ chuyên môn.

PLO12: Tự giác, luôn cập nhật kiến thức mới về nghề nghiệp; có khả năng làm việc độc lập và thích nghi với các môi trường làm việc nhóm trong các điều kiện khác nhau; chịu trách nhiệm và tinh thần trách nhiệm với xã hội và nghề nghiệp, năng động và bản lĩnh, luôn sẵn sàng làm việc trong điều kiện môi trường công việc với áp lực cao cũng như có khả năng giám sát người khác hoàn thành nhiệm vụ.

PLO13: Có khả năng lập kế hoạch tự học cũng như điều phối, quản lý các nguồn lực nhằm tích lũy thêm kiến thức, kinh nghiệm, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, có trách nhiệm làm sáng tỏ những vấn đề lý luận, vấn đề thực tiễn trong hoạt động Công tác xã hội, góp phần thúc đẩy sự phát triển Nghề Công tác xã hội

PLO14: Người học tốt nghiệp đạt trình độ ngoại ngữ do Hiệu trưởng quy định theo đề nghị của hội đồng khoa học đào tạo nhưng tối thiểu phải từ bậc 4/6 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương

Bảng 1.3. Mối liên hệ giữa mục tiêu chương trình và chuẩn đầu ra chương trình

Chuẩn đầu ra CTĐT (PLOs)	Mục tiêu cụ thể (POs)					
	PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6
CĐR1 (PLO1)	x					x
CĐR1 (PLO2)	x		x			
CĐR3 (PLO3)	x		x	x		
CĐR4 (PLO4)	x		x	x		
CĐR5 (PLO5)			x	x	x	
CĐR1 (PLO6)			x	x	x	

CDR7 (PLO7)		X	X			
CDR1 (PLO8)		X	X		X	
CDR9 (PLO9)		X		X	X	
CDR10 (PLO10)	X		X		X	
CDR11 (PLO11)	X					X
CDR12 (PLO12)	X		X			X
CDR13 (PLO13)		X		X		X
CDR14 (PLO14)	X					X

Bảng 1.4. Đối sánh chuẩn đầu ra CTĐT chuyên ngành Công tác xã hội đáp ứng Khung trình độ quốc gia và Thang trình độ năng lực

Chuẩn đầu ra		Khung trình độ quốc gia	Thang trình độ năng lực
CDR1 (PLO1)	Vận dụng được các kiến thức cốt lõi về cơ sở lý luận, phương pháp nghiên cứu để phân tích và giải quyết các vấn đề phát sinh trong thực tiễn công việc và cuộc sống cũng như vận dụng được những tri thức về triết học, các chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước liên quan đến lĩnh vực công tác xã hội, chính sách xã hội và an sinh xã hội với các nhóm thân chủ.	K1+S1	4/6
CDR2 (PLO2)	Hiểu và vận dụng thành thạo các kiến thức liên ngành về kinh tế, quản trị học cũng như phân tích và hoạch định chính sách xã hội an sinh xã hội, các kiến thức chuyên sâu về tham vấn tâm	S3+S5	3/6

	lý để phân tích và giải quyết vấn đề của các nhóm thân chủ.		
CDR3 (PLO3)	Tổng hợp được các kiến thức chuyên sâu, phát triển các kiến thức mới về Công tác xã hội nhằm bổ sung vào hệ thống lý thuyết, phương pháp và ứng dụng hiệu quả trong thực hành Công tác xã hội và quản trị Công tác xã hội.	S1+S4	5/6
CDR4 (PLO4)	Hiểu và vận dụng thành thạo các kiến thức về các hành vi, kiến thức quản lý lãnh đạo trong việc hoạch định, xây dựng và quản lý việc cung ứng các dịch vụ công tác xã hội trong các cơ sở bảo trợ xã hội và ngoài cộng đồng.	S4	3/6
CDR5 (PLO5)	Hiểu và vận dụng thành thạo kiến thức về quản lý trường hợp và tham vấn với các nhóm thân chủ của Công tác xã hội.	S4	3/6
CDR6 (PLO6)	Phân tích, tổng hợp và đánh giá một cách toàn diện, chuyên sâu khi làm việc với các nhóm thân chủ khác nhau trong các cơ sở bảo trợ xã hội và tại cộng đồng, có kỹ năng đánh giá tác động của từng chính sách đến các nhóm thân chủ, điều phối, giám sát cung cấp dịch vụ xã hội và có khả năng nghiên cứu độc lập, phân tích tư vấn các chính sách xã hội.	S2+S3+S4	4/6
CDR7 (PLO7)	Phân tích tổng hợp được các vấn đề nghiên cứu, triển khai thiết kế các can thiệp cung cấp dịch vụ CTXH trong các cơ sở trợ giúp cũng như các kỹ năng triển khai các nghiên cứu trong lĩnh vực CTXH	S3+S5	2/6
CDR8 (PLO8)	Thành thạo kỹ năng thực hành chuyên sâu Công tác xã hội cá nhân, nhóm, phát triển kỹ năng xây dựng dự án phát	S1+S2+S3+S4	3/6

	triển cộng đồng, đề trợ giúp các nhóm đối tượng đặc thù trong bệnh viện, trường học, cộng đồng và cơ sở bảo trợ xã hội và các trung tâm chăm sóc và nuôi dưỡng đối tượng. Đồng thời có kỹ năng phát hiện, giải quyết độc lập những vấn đề liên quan đến công tác xã hội trong thực tiễn, có kỹ năng lồng ghép giới.		
CDR9 (PLO9)	Có kỹ năng lãnh đạo, quản lý, tổ chức và quản trị Công tác xã hội trong các môi trường đa dạng, phức tạp, cung cấp dịch vụ công tác xã hội.	K3+S1+S3	4/6
CDR10 (PLO10)	Hiểu và vận dụng được các kỹ năng trong trị liệu tâm lý, nghiên cứu hành vi, đánh giá hành vi của các nhóm thân chủ.	K2+K3+S2	3/6
CDR11 (PLO11)	Có lập trường, quan điểm rõ ràng, có thái độ chính trị, lập trường đúng đắn, hình thành bản lĩnh chính trị và phẩm chất đạo đức Cách Mạng; có đạo đức nghề nghiệp, đạo đức cá nhân và đạo đức xã hội, vận dụng phù hợp các quy điều đạo đức nghề Công tác xã hội trong việc thực hiện, vai trò và nhiệm vụ chuyên môn.	C1	3/6
CDR12 (PLO12)	Tự giác, luôn cập nhật kiến thức mới về nghề nghiệp; có khả năng làm việc độc lập và thích nghi với các môi trường làm việc nhóm trong các điều kiện khác nhau; chịu trách nhiệm và tinh thần trách nhiệm với xã hội và nghề nghiệp, năng động và bản lĩnh, luôn sẵn sàng làm việc trong điều kiện môi trường công việc với áp lực cao cũng như có khả năng giám sát người khác hoàn thành nhiệm vụ.	C3+C4	3/6

CDR13 (PLO13)	Có khả năng lập kế hoạch tự học cũng như điều phối, quản lý các nguồn lực nhằm tích lũy thêm kiến thức, kinh nghiệm, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, có trách nhiệm làm sáng tỏ những vấn đề lý luận, vấn đề thực tiễn trong hoạt động Công tác xã hội, góp phần thúc đẩy sự phát triển Nghề Công tác xã hội.	C1+C4	4/6
CDR14 (PLO14)	Người học tốt nghiệp đạt trình độ ngoại ngữ do Hiệu trưởng quy định theo đề nghị của hội đồng khoa học đào tạo nhưng tối thiểu phải từ bậc 4/6 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương	S5	4/6

Danh mục các chuẩn đối sánh:

(1) TĐNL - Trình độ năng lực chung:

Bảng 1.5. Thang trình độ năng lực chung

Thang TĐNL	Khả năng hoạt động	Khả năng nhận thức
1.0	Có thể nhớ lại các vấn đề	Khả năng Nhớ vấn đề
2.0	Có thể nắm được ý nghĩa của vấn đề	Khả năng Hiểu vấn đề
3.0	Có thể áp dụng thông tin đã biết vào một tình huống	Khả năng Vận dụng vấn đề
4.0	Có khả năng chia vấn đề thành những phần nhỏ để chỉ ra các mối liên hệ	Khả năng Phân tích vấn đề
5.0	Có khả năng đưa ra nhận định về vấn đề	Khả năng Đánh giá vấn đề
6.0	Có khả năng tạo ra cái mới	Khả năng Sáng tạo vấn đề

(2) Khung TĐQG - Khung trình độ quốc gia - bậc 7

Kiến thức (K):

K1. Kiến thức thực tế và lý thuyết sâu, rộng, tiên tiến, nắm vững các nguyên lý và học thuyết cơ bản trong lĩnh vực nghiên cứu thuộc chuyên ngành đào tạo.

K2. Kiến thức liên ngành có liên quan.

K3. Kiến thức chung về quản trị và quản lý.

Kỹ năng (S):

S1. Kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá dữ liệu và thông tin để đưa ra giải pháp xử lý các vấn đề một cách khoa học

S2. Kỹ năng truyền đạt tri thức dựa trên nghiên cứu, thảo luận các vấn đề chuyên môn và khoa học với người cùng ngành và với những người khác.

S3. Kỹ năng tổ chức, quản trị và quản lý các hoạt động nghề nghiệp tiên tiến

S4. Kỹ năng nghiên cứu phát triển và sử dụng các công nghệ một cách sáng tạo trong lĩnh vực học thuật và nghề nghiệp.

S5. Có trình độ ngoại ngữ tương đương bậc 4/6 Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam.

Năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm (C):

C1. Nghiên cứu, đưa ra những sáng kiến quan trọng.

C2. Nghiên cứu, đưa ra những sáng kiến quan trọng.

C3. Đưa ra những kết luận mang tính chuyên gia trong lĩnh vực chuyên môn.

C4. Quản lý, đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn.

1.6. Cơ hội việc làm và học tập

1.6.1. Cơ hội việc làm

- Có đủ năng lực làm cán bộ quản lý, triển khai các chương trình, dự án tại các cơ quan thuộc của ngành Lao động – Thương binh và Xã hội cũng như trong các ban, ngành đoàn thể khác như Công đoàn, Hội Liên hiệp Phụ nữ, Đoàn thanh niên...

- Có đủ năng lực làm việc tốt ở các vị trí điều phối, quản lý các chương trình, dự án xã hội trong các tổ chức quốc tế trong và ngoài nước có chức năng nhiệm vụ liên quan tới phát triển xã hội, công tác xã hội, an sinh xã hội.

- Có đủ năng lực làm việc tốt trong lĩnh vực cung cấp dịch vụ trực tiếp và điều phối quản lý việc cung cấp các dịch vụ xã hội đó tại các các cơ sở cung cấp dịch vụ khác như trong bệnh viện, trường học, tòa án...

- Có đủ năng lực để phối hợp và triển khai các nghiên cứu độc lập trong cơ quan, viện nghiên cứu về các lĩnh vực liên quan đến công tác xã hội, chính sách xã hội, an sinh xã hội, dịch vụ xã hội.

1.6.2. Cơ hội học tập

Người học có thể đăng ký thi tuyển học tập nâng cao trình độ ở cấp học Tiến sĩ đào tạo trong nước và ngoài nước. Đồng thời, có thể chủ động nghiên cứu, phát hiện, giải quyết vấn đề độc lập trong quá trình tích lũy kinh nghiệm, tri thức nâng cao trình độ.

1.7. Tiêu chí tuyển sinh, quá trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

1.7.1. Tiêu chí tuyển sinh

Thực hiện theo Đề án tuyển sinh hàng năm của Trường Đại học Lao động - Xã hội.

1.7.2. Quá trình đào tạo

Chương trình đào tạo chuyên ngành Công tác xã hội được thiết kế theo hệ thống tín chỉ, gồm 60 tín chỉ tích lũy. Quá trình đào tạo tuân thủ theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Quy chế đào tạo theo hệ thống tín chỉ, Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ và các quy định hiện hành khác của Trường Đại học Lao động – Xã hội. Chương trình đào tạo được thiết kế với thời gian đào tạo là 2 năm.

1.7.3. Điều kiện xét và công nhận tốt nghiệp

Căn cứ theo Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ của Trường Đại học Lao động – Xã hội ban hành ngày..., người học được công nhận tốt nghiệp và cấp bằng thạc sĩ chuyên ngành Công tác xã hội khi có đủ các điều kiện sau:

(1) Điều kiện để học viên được công nhận tốt nghiệp

a) Đã hoàn thành các học phần của chương trình đào tạo và bảo vệ đề án đạt yêu cầu;

b) Có trình độ ngoại ngữ đạt yêu cầu theo chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo trước thời điểm xét tốt nghiệp; được minh chứng bằng một trong các văn bằng hoặc chứng chỉ ngoại ngữ đạt trình độ tương đương Bậc 4 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam quy định tại Phụ lục của Quy chế này hoặc các chứng chỉ tương đương khác do Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố, hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành ngôn ngữ nước ngoài, hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành khác mà chương trình được thực hiện hoàn toàn bằng ngôn ngữ nước ngoài;

c) Hoàn thành các trách nhiệm theo quy định của Trường; không bị truy cứu trách nhiệm hình sự và không trong thời gian bị kỷ luật, đình chỉ học tập.

(2) Nhà trường tổ chức xét và ra quyết định công nhận tốt nghiệp trong thời hạn 02 tháng tính từ ngày học viên bảo vệ thành công đề án; tối đa thêm 03 tháng trong trường hợp phải tổ chức thẩm định luận văn, đề án.

1.7.4. Hệ thống tính điểm

Điểm học phần

- Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân

- Điểm học phần là tổng của tất cả các điểm đánh giá bộ phận của học phần nhân với trọng số tương ứng. Điểm học phần làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được chuyển thành điểm chữ như sau:

+ Loại đạt

A+ (9,2 – 10); A (8,5 – 9,1): Giỏi

B+ (7,7 – 8,4); B (7,0 – 7,6): Khá

C+ (6,2 – 6,9); C (5,5 – 6,1): Trung bình
D+ (4,7 – 5,4); D (4,0 – 4,6): Trung bình yếu
+ Loại không đạt
F+ (2,0 – 3,9) F (dưới 2,0): Kém

Điểm trung bình

- Mức điểm chữ của mỗi học phần được quy đổi qua điểm số (thang điểm 4) như sau:

A+: 4,0 A : 3,7

B+: 3,5 B : 3,0

C+: 2,5 C : 2,0

D+: 1,5 D : 1,0

F+: 0,5 F : 0,0

- Điểm trung bình chung học kỳ và điểm trung bình chung tích lũy được tính theo công thức sau và làm tròn đến 2 chữ số thập phân:

$$A = \frac{\sum_{i=1}^n a_i \cdot x \cdot n_i}{\sum_{i=1}^n n_i}$$

Trong đó:

A: là điểm trung bình chung học kỳ hoặc điểm trung bình chung tích lũy

a_i : là điểm học phần thứ i

n_i : là số tín chỉ của học phần thứ i

n : là tổng số học phần

1.8. Chiến lược giảng dạy và học tập (TLMs)

1. **TLM1 - Giải thích cụ thể (Explicit Teaching)**: Đây là phương pháp thuộc chiến lược dạy học trực tiếp trong đó giảng viên hướng dẫn giải thích chi tiết cụ thể các nội dung liên quan đến bài học, giúp cho người học đạt được mục tiêu dạy học về kiến thức và kỹ năng.
2. **TLM2 - Thuyết giảng (Lecture)**: Giảng viên trình bày nội dung bài học và giải thích các nội dung trong bài giảng. Giảng viên là người thuyết trình, diễn giảng. Người học chỉ nghe giảng và ghi chú để tiếp nhận các kiến thức mà giảng viên truyền đạt.
3. **TLM3 - Tham luận (Guest Lecture)**: Theo phương pháp này, người học tham gia vào các khóa học mà người diễn giảng, thuyết trình đến từ các tổ chức ngoài trường. Thông qua những trao đổi chia sẻ những kinh nghiệm, hiểu biết của diễn giảng để giúp người học hình thành kiến thức tổng quan hay cụ thể về chuyên ngành đào tạo.
4. **TLM4 - Câu hỏi gợi mở (Inquiry)**: Trong tiến trình dạy học, giảng viên sử dụng

các câu hỏi gợi mở hay các vấn đề và hướng dẫn giúp người học từng bước trả lời câu hỏi. Người học có thể tham gia vào thảo luận nhóm để cùng nhau giải quyết bài toán, vấn đề đặt ra.

5. **TLM5 - Trò chơi (Game):** Trò chơi là hoạt động mô phỏng, hoặc các cuộc thi được chơi theo một bộ quy tắc rõ ràng. Trò chơi cung cấp cho người học cơ hội nâng cao kiến thức thực tế, ra quyết định và kỹ năng giao tiếp, được thiết kế để đạt được những kỳ vọng được xác định rõ ràng như làm việc nhóm, phát triển kỹ năng hoặc cải thiện giao tiếp. Quy tắc trò chơi giúp người học nhận ra rằng quyết định của họ có ảnh hưởng như thế nào đến bản thân cũng như của những người khác cùng tham gia.
6. **TLM6 - Thực tập, thực tế (Field Trip):** Thông qua các hoạt động tham quan, đi thực tế tại công ty, doanh nghiệp... để giúp cho người học tiếp cận và hiểu được môi trường thực tế của ngành đào tạo sau khi tốt nghiệp, học hỏi các công nghệ đang được áp dụng trong lĩnh vực đào tạo, hình thành kỹ năng nghề nghiệp và văn hóa làm việc trong công ty. Phương pháp này không chỉ giúp cho người học hình thành kiến thức, kỹ năng mà còn tạo cơ hội nghề nghiệp cho người học sau khi tốt nghiệp.
7. **TLM7 - Thào luận (Discussion):** Là phương pháp dạy học trong đó người học được chia thành các nhóm và tham gia thảo luận về những quan điểm cho một vấn đề nào đó được giảng viên đặt ra.
8. **TLM8 – Giải quyết vấn đề (Problem Solving):** Trong tiến trình dạy và học, người học làm việc với các vấn đề được đặt ra và học được những kiến thức mới thông qua việc đối mặt với vấn đề cần giải quyết. Thông qua các quá trình tìm giải pháp cho vấn đề đặt ra, người học đạt được những kiến thức, kỹ năng theo yêu cầu của học phần.
9. **TLM9 – Học theo tình huống (Case study):** Đây là phương pháp hướng đến cách tiếp cận dạy và học lấy người học làm trung tâm, giúp người học hình thành kỹ năng tư duy phản biện, giao tiếp. Theo phương pháp này, giảng viên liên hệ các tình huống, vấn đề hay thách thức trong thực tế và yêu cầu người học giải quyết, giúp cho người học hình thành kỹ năng giải quyết vấn đề, kỹ năng ra quyết định cũng như khả năng nghiên cứu.
10. **TLM10 - Học nhóm (Teamwork Learning):** Người học được tổ chức thành các nhóm nhỏ để cùng nhau giải quyết các vấn đề được đặt ra và trình bày kết quả của nhóm thông qua các báo cáo hay thuyết trình trước các nhóm khác và giảng viên.
11. **TLM11 – Nghiên cứu độc lập:** Phương pháp này phát triển khả năng của người học trong việc lập kế hoạch, tổ chức, khám phá và giao tiếp đối với chủ đề một

cách độc lập dưới sự hướng dẫn của các giảng viên. Phương pháp này cũng tăng cường động lực học và tích cực tham gia học tập vì người học được phép chọn các tài liệu họ muốn trình bày.

12. **TLM12 – Dự án Nghiên cứu (Research Project)**: Người học nghiên cứu một chủ đề nào đó liên quan đến học phần và viết báo cáo.
13. **TLM13 – Nhóm nghiên cứu giảng dạy (Teaching Research Team)**: Người học được khuyến khích tham gia vào các dự án, nhóm nghiên cứu và giảng dạy của giảng viên, giúp hình thành năng lực nghiên cứu và kỹ năng sáng tạo.
14. **TLM14 - Học trực tuyến (E-Learning)**: Thông qua hệ thống phần mềm quản trị đào tạo, giảng viên có thể tương tác và quản lý quá trình học tập của người học.
15. **TLM15- Bài tập ở nhà (Work Assignment)**: Theo phương pháp này, người học được giao nhiệm vụ làm việc ở nhà với nội dung và yêu cầu do giảng viên đặt ra. Thông qua hoàn thành các nhiệm vụ được giao ở nhà này, người học được tự học, cũng như đạt được những nội dung về kiến thức cũng như kỹ năng theo yêu cầu.
16. **TLM16 – Chia sẻ nhóm đôi (Think, Pair, Share)**: Đây là hoạt động làm việc theo nhóm đôi, qua đó phát triển năng lực tư duy của từng cá nhân trong giải quyết vấn đề. Giảng viên giới thiệu vấn đề, đặt câu hỏi mở và dành thời gian để người học suy nghĩ. Người học thành lập nhóm đôi và chia sẻ ý tưởng, thảo luận, phân loại với nhau. Nhóm đôi này lại tiếp tục chia sẻ với nhóm đôi khác hoặc với cả lớp.
17. **TLM17 - Kỹ thuật “Động não” hay “Công não” (Brainstorming)**: Là phương pháp nhằm huy động những tư tưởng mới mẻ, độc đáo về một chủ đề của các thành viên trong nhóm cùng thảo luận. Nhóm trưởng điều hành hoạt động thảo luận chung của cả nhóm trong một thời gian quy định, các ý kiến đều được thư ký ghi nhận, khuyến khích thành viên đưa càng nhiều ý kiến càng tốt. Các thành viên tham gia một cách tích cực nhằm tạo ra “con lóc” ý tưởng.

Các phương pháp dạy học nói trên giúp cho người học đạt được chuẩn đầu ra (PLOs), được thể hiện trong bảng 1.6 dưới đây.

Bảng 1.6. Mối liên hệ giữa Chiến lược và phương pháp dạy-học (TLMs) để đạt được Chuẩn đầu ra (PLOs)

Chiến lược và phương pháp dạy và học (TLMs)		Chuẩn đầu ra CTĐT (PLOs)													
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
TLM1	Giải thích cụ thể (Explicit Teaching)	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x			

Chiến lược và phương pháp dạy và học (TLMs)		Chuẩn đầu ra CTĐT (PLOs)													
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
TLM2	Thuyết giảng (Lecture)	x	x	x	x	x	x	x	x		x	x			
TLM3	Tham luận (Guest Lecture)	x	x		x	x	x		x		x	x	x	x	
TLM4	Câu hỏi gợi mở (Inquiry)	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
TLM5	Trò chơi (Game)	x	x	x		x						x	x	x	
TLM6	Thực tập thực tế (Field Trip)		x	x	x		x	x	x		x	x	x	x	
TLM7	Thảo luận (Discussion)	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	
TLM8	Giải quyết vấn đề (Problem Solving)	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
TLM9	Học theo tình huống (Case Study)	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	
TLM10	Học nhóm (Teamwork Learning)	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x	x	x	
TLM11	Nghiên cứu độc lập		x	x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x
TLM12	Dự án nghiên cứu (Research Project)		x	x	x	x	x	x	x			x	x	x	x
TLM13	Nhóm nghiên cứu giảng dạy (Teaching Research Team)							x	x						
TLM14	Học trực tuyến (E-Learning)	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
TLM15	Bài tập ở nhà (Work Assignment)	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
TLM16	Chia sẻ nhóm đôi (Think, Pair, Share)			x	x	x	x	x	x	x	x	x	x		
TLM17	Kỹ thuật động não (Brainstorming)	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	

1.9. Các phương pháp đánh giá

Đánh giá kết quả của người học là quá trình ghi chép, lưu trữ và cung cấp thông tin về sự tiên bộ của người học trong suốt quá trình dạy học. Việc đánh giá đảm bảo nguyên

tắc rõ ràng, chính xác, công bằng, khách quan và phân hóa, thường xuyên lên tục định kỳ. Yêu cầu về tiêu chí đánh giá cụ thể được Nhà trường, Khoa thiết kế và công bố, làm rõ cho người học trước khi tham dự học.

Các thông tin về đánh giá được cung cấp và chia sẻ kịp thời cho các bên liên quan gồm người dạy, người dự học, phụ huynh và nhà quản lý; được tổng hợp, phân tích định kỳ. Từ đó, Nhà trường, Khoa, Bộ môn, giảng viên kịp thời có những giải pháp, điều chỉnh, cải tiến về các hoạt động dạy học, đảm bảo định hướng và đạt được mục tiêu dạy học.

Khoa đã xây dựng và áp dụng nhiều phương pháp đánh giá khác nhau. Tùy thuộc vào chiến lược, phương pháp dạy và học và yêu cầu đáp ứng chuẩn đầu ra của từng học phần môn học để lựa chọn các phương pháp, nội dung đánh giá phù hợp, đảm bảo cung cấp đầy đủ thông tin về đánh giá mức độ tiến bộ của người học cũng như mức độ hiệu quả đạt được của tiên trình dạy học.

Các phương pháp đánh giá được sử dụng trong chương trình đào tạo ngành được chia thành 02 loại chính là đánh giá theo tiến trình (On-going/Formative Assessment) và đánh giá tổng kết/định kỳ (cuối kỳ, giữa kỳ) (Summative Assessment). Các hình thức, nội dung đánh giá được quy định cụ thể trong các quy chế đào tạo tiên hành của nhà trường và quy định cụ thể trong đề cương giảng dạy của từng học phần.

1.9.1. Đánh giá theo tiến trình (On-going/Formative Assessment)

- **Đánh giá chuyên cần (Attendance Check):**

Ngoài thời gian tự học, sự tham gia thường xuyên, đầy đủ các buổi học trên giảng đường, phòng thực hành, các buổi tham quan doanh nghiệp,... trong học phần cũng phản ánh thái độ học tập của người học; sự tham gia đầy đủ các giờ học theo quy định giúp cho người học tập cận kiến thức, rèn luyện kỹ năng một cách hệ thống, liên tục và hình thành thái độ tốt và đúng đắn, chấp hành tốt nội quy, nề nếp tại cơ quan, doanh nghiệp sau khi người học tốt nghiệp. Việc đánh giá chuyên cần được thực hiện theo các rubric tùy thuộc vào tính chất học phần quy định (lý thuyết, thực hành,...).

- **Đánh giá bài tập (Work Assignment):**

Người học được yêu cầu thực hiện một số nội dung liên quan đến bài học trong giờ học hoặc ngoài giờ học trên lớp. Các bài tập này có thể thực hiện bởi một cá nhân hoặc một nhóm người học được đánh giá theo các tiêu chí cụ thể.

- **Đánh giá thuyết trình (Oral Presentation):**

Trong một số học phần môn học, người học được yêu cầu làm việc theo nhóm để giải quyết một vấn đề, tình huống hay nội dung liên quan đến bài học và trình bày kết quả của nhóm trước các nhóm khác. Hoạt động không những giúp người học đạt được kiến thức chuyên ngành mà còn phát triển các kỹ năng như: kỹ năng giao tiếp, thương lượng, làm việc nhóm. Để đánh giá mức độ đạt được

1.9.2. Đánh giá tổng kết, định kỳ (cuối kỳ, giữa kỳ) (Summative Assessment)

Mục tiêu của lại đánh giá này là đưa ra những kết luận, phân hạng về mức độ đạt được mục tiêu và chất lượng đầu ra, sự tiến bộ của người học tại thời điểm ấn định trong quá trình dạy- học gồm đánh giá cuối chương trình học, đánh giá giữa học kỳ, đánh giá cuối học kỳ.

Các phương pháp đánh giá được ULSA, Khoa sử dụng loại đánh giá này gồm: kiểm tra viết (written exam), kiểm tra trắc nghiệm (multiple choice exam), bảo vệ và thi vấn đáp (oral exam), viết báo cáo (written report), thuyết trình (oral presentation), đánh giá làm việc nhóm (teamwork assessment), thực hành (practice), báo cáo thực tập, khóa luận/chuyên đề tốt nghiệp (graduation report/Thesis).

- **Kiểm tra viết (Written Exam):**

Theo phương pháp đánh giá này, người học được yêu cầu trả lời một số câu hỏi, bài tập hay ý kiến cá nhân về những vấn đề liên quan đến yêu cầu chuẩn đầu ra về kiến thức của học phần và được đánh giá dựa trên đáp án được thiết kế sẵn. Thang điểm đánh giá được sử dụng trong phương pháp này là thang điểm 10. Số lượng câu hỏi trong bài đánh giá được thiết kế tùy thuộc vào yêu cầu nội dung kiến thức của học phần.

- **Kiểm tra trắc nghiệm (Multiple Choice Exam):**

Phương pháp này tương tự như phương pháp kiểm tra viết, người học được yêu cầu trả lời các câu hỏi liên quan dựa trên đáp án đã được thiết kế sẵn. Điểm khác là trong phương pháp đánh giá này người học trả lời các câu hỏi yêu cầu dựa trên các gợi ý trả lời cũng như được thiết kế trong đề thi.

- **Bảo vệ và thi vấn đáp (Oral Exam):**

Trong phương pháp đánh giá này, người học được đánh giá thông qua phỏng vấn, hỏi đáp trực tiếp. Các tiêu chí đánh giá này được thể hiện trong rubric 5.

- **Viết báo cáo (Written Report):**

Người học được đánh giá thông qua sản phẩm báo cáo của sinh viên, bao gồm cả nội dung trình bày trong báo cáo, cách thức trình bày thuyết minh, bản vẽ hình ảnh, biểu đồ,...trong báo cáo. Tiêu chí đánh giá cụ thể theo phương pháp này theo rubric.

- **Thuyết trình (Oral Presentation):**

Phương pháp này hoàn toàn giống với phương pháp đánh giá thuyết trình trong loại đánh giá theo tiến trình theo rubric 4, Đánh giá được thực hiện theo định kỳ (giữa kỳ, cuối kỳ, hay cuối khóa).

- **Đánh giá làm việc nhóm (Teamwork Assessment):**

Đánh giá làm việc nhóm được áp dụng khi triển khai hoạt động dạy học theo nhóm và được dùng để đánh giá kỹ năng làm việc nhóm của người học (như: tổ chức, quản lí, xây dựng nhóm làm việc hiệu quả; hoạt động nhóm; phát triển nhóm; lãnh đạo nhóm).

- **Thực hành (practice):**

Trong một số học phần môn học, người học được yêu cầu thực hành phát triển các kỹ năng thực hành nghề nghiệp.

- **Luận văn thạc sĩ** (graduation report, Thesis):

Luận văn thạc sĩ được đánh giá bởi giảng viên hướng dẫn, hội đồng đánh giá luận văn bằng cách sử dụng các phiếu đánh giá phù hợp với ngành đào tạo.

Bảng 1.7. Mối liên hệ giữa Phương pháp đánh giá (AMs) nhằm đạt Chuẩn đầu ra (PLOs)

Phương pháp đánh giá (Assessment)		PLOs													
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
I	Đánh giá theo tiến trình (On-going, Formative Assessment)														
AM1	Đánh giá chuyên cần (Attendance Check)	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x			
AM2	Đánh giá bài tập (Work Assignment)	x	x	x	x	x	x	x	x	x			x	x	x
AM3	Đánh giá thuyết trình (Oral Presentation)	x	x	x	x	x	x	x	x	x			x	x	
11	Đánh giá tổng kết, định kỳ (Sum mative Assessment)														
AM4	Kiểm tra viết (Written Exam)	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x			
AM5	Kiểm tra trắc nghiệm (Multiple Choice Exam)	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x			
AM6	Bảo vệ và thi vấn đáp (Oral Exam)	x	x	x	x	x	x	x	x	x					
AM7	Viết báo cáo (Written Report)		x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
AM8	Đánh giá làm việc nhóm (Teamwork Assessment)	x	x	x	x	x	x		x	x	x		x	x	x

Phương pháp đánh giá (Assessment)		PLOs														
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	
AM9	Thực hành (Practice)	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
AM10	Báo cáo thực tập, khóa luận tốt nghệp (Graduation Report. Thesis)	x	x	x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x

1.10. Mô tả sự liên hệ giữa Chuẩn đầu ra (PLOs), học phần, phương pháp dạy và học (TLMs) và phương pháp đánh giá (AMs)

Bảng 1.8. Mối liên hệ giữa Chuẩn đầu ra (PLOs), học phần, phương pháp dạy và học (TLMs) và phương pháp đánh giá (AMs)

Chuẩn đầu ra (PLOs)	Ma học phần	Tên học phần	Phương pháp dạy và học (TLMs) được sử dụng	Phương pháp đánh giá (AMs) được sử dụng
PLO1	TRH101	Triết học	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM7
	PPN103	Phân tích và hoạch định chính sách xã hội	TLM1, TLM2, TLM4, TLM14, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM7
	CTX306	CTXH với an sinh xã hội	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM14,	AM1, AM2, AM3, AM4, AM7, AM8,
	CTX308	Kiểm huấn trong CTXH	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM14, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM7, AM8,
	CTX309	Nghiên cứu ứng dụng trong CTXH	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM11, TLM12, TLM14, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM7, AM8
	CTX310	Thực hành CTXH chuyên sâu 1	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM12, TLM14, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM7, AM8, AM9
	CTX311	Thực hành CTXH chuyên sâu 2	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM12, TLM14, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM7, AM8, AM9
	CTX312	Phúc lợi gia đình và trẻ em	TLM1, TLM2, TLM4, TLM14, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM7, AM8
	CTX313	Phục hồi chức năng NKT dựa vào cộng đồng	TLM2, TLM4, TLM9, TLM14, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM7
	CTX314	Quản lý trường hợp với trẻ em bị xâm hại trong trường học	TLM2, TLM4, TLM9, TLM14, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM7
	CTX315	Quản lý trường hợp với người tâm thần	TLM1, TLM2, TLM4, TLM14, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM7

Chuẩn đầu ra (PLOs)	Ma học phần	Tên học phần	Phương pháp dạy và học (TLMs) được sử dụng	Phương pháp đánh giá (AMs) được sử dụng
	CTX316	Quản lý trường hợp với trẻ tự kỷ	TLM1, TLM2, TLM4, TLM14, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM7
	CTX317	Quản lý trường hợp trong hỗ trợ sinh kế người nghèo	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM14	AM1, AM2, AM3, AM4, AM7, AM8
	CTX318	Tham vấn điều trị nghiện ma túy	TLM1, TLM2, TLM4, TLM14	AM1, AM2, AM4, AM7
	CTX319	Tham vấn tâm lý cho trẻ em bị xâm hại	TLM1, TLM2, TLM4, TLM14	AM1, AM2, AM4, AM7
	CTX320	Tham vấn trong bệnh viện	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM14	AM1, AM2, AM3, AM4, AM7, AM8
	CTX321	Tham vấn cho nạn nhân bị bạo lực gia đình	TLM1, TLM2, TLM4, TLM14	AM1, AM2, AM4, AM7
PLO2	PPN102	Phương pháp nghiên cứu khoa học	TLM1, TLM2, TLM4, TLM14, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM7
	PPN103	Phân tích và hoạch định chính sách xã hội	TLM1, TLM2, TLM4, TLM14, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM7
	QTN307	Kỹ năng lãnh đạo và quản lý	TLM1, TLM2, TLM4	AM1, AM2, AM4, AM7
	CTX306	CTXH với an sinh xã hội	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM14	AM1, AM2, AM3, AM4, AM7, AM8
	CTX308	Kiểm huấn trong CTXH	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM14, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM7, AM8
	CTX311	Thực hành CTXH chuyên sâu 2	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM12, TLM14, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM7, AM8, AM9
PLO3	CTX203	Giới và phát triển bền vững	TLM2, TLM4, TLM9, TLM14, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM7
	CTX308	Kiểm huấn trong CTXH	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM14, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM7, AM8

Chuẩn đầu ra (PLOs)	Ma học phần	Tên học phần	Phương pháp dạy và học (TLMs) được sử dụng	Phương pháp đánh giá (AMs) được sử dụng
	CTX309	Nghiên cứu ứng dụng trong CTXH	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM11, TLM12, TLM14, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM7, AM8
	CTX310	Thực hành CTXH chuyên sâu 1	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM12, TLM14, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM7, AM8, AM9
	CTX311	Thực hành CTXH chuyên sâu 2	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM12, TLM14, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM7, AM8, AM9
PLO4	PPN103	Phân tích và hoạch định chính sách xã hội	TLM1, TLM2, TLM4, TLM14, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM7
	CTX202	Sức khỏe hành vi trong CTXH	TLM1, TLM2, TLM4, TLM14, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM7
	CTX204	Xây dựng và quản lý dự án PTCĐ	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM14, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM7, AM8
	CTX205	Hành vi lệch chuẩn xã hội	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM14, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM7, AM8
	CTX307	Quản trị trong phát triển tổ chức cung cấp dịch vụ CTXH	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM14, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM7, AM8
	CTX308	Kiểm huấn trong CTXH	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM14, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM7, AM8
	CTX312	Phúc lợi gia đình và trẻ em	TLM1, TLM2, TLM4, TLM14, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM7, AM8
	CTX313	Phục hồi chức năng NKT dựa vào cộng đồng	TLM2, TLM4, TLM9, TLM14, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM7
	CTX314	Quản lý trường hợp với trẻ em bị xâm hại trong trường học	TLM2, TLM4, TLM9, TLM14, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM7
	CTX315	Quản lý trường hợp với người tâm thần	TLM1, TLM2, TLM4, TLM14, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM7
	CTX316	Quản lý trường hợp với trẻ tự kỷ	TLM1, TLM2, TLM4, TLM14, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM7

Chuẩn đầu ra (PLOs)	Ma học phần	Tên học phần	Phương pháp dạy và học (TLMs) được sử dụng	Phương pháp đánh giá (AMs) được sử dụng
	CTX317	Quản lý trường hợp trong hỗ trợ sinh kế người nghèo	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM14	AM1, AM2, AM3, AM4, AM7, AM8
PLO5	CTX308	Kiểm huấn trong CTXH	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM14, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM7, AM8
	CTX317	Quản lý trường hợp trong hỗ trợ sinh kế người nghèo	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM14	AM1, AM2, AM3, AM4, AM7, AM8
	CTX318	Tham vấn điều trị nghiện ma túy	TLM1, TLM2, TLM4, TLM14	AM1, AM2, AM4, AM7
	CTX319	Tham vấn tâm lý cho trẻ em bị xâm hại	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM14	AM1, AM2, AM3, AM4, AM7, AM8
	CTX320	Tham vấn trong bệnh viện	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM14	AM1, AM2, AM3, AM4, AM7, AM8
	CTX321	Tham vấn cho nạn nhân bị bạo lực gia đình	TLM1, TLM2, TLM4, TLM14	AM1, AM2, AM4, AM7
PLO6	PPN102	Phương pháp nghiên cứu khoa học	TLM1, TLM2, TLM4, TLM14, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM7
	CTX306	CTXH với an sinh xã hội	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM14,	AM1, AM2, AM3, AM4, AM7, AM8
	CTX307	Quản trị trong phát triển tổ chức cung cấp dịch vụ CTXH	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM14, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM7, AM8
	CTX308	Kiểm huấn trong CTXH	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM14, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM7, AM8
	CTX309	Nghiên cứu ứng dụng trong CTXH	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM11, TLM12, TLM14, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM7, AM8
	CTX310	Thực hành CTXH chuyên sâu 1	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM12, TLM14, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM7, AM8, AM9
	CTX311	Thực hành CTXH chuyên sâu 2	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM12, TLM14, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM7, AM8, AM9

Chuẩn đầu ra (PLOs)	Ma học phần	Tên học phần	Phương pháp dạy và học (TLMs) được sử dụng	Phương pháp đánh giá (AMs) được sử dụng
PLO7	PPN102	Phương pháp nghiên cứu khoa học	TLM1, TLM2, TLM4, TLM14, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM7
	CTX204	Xây dựng và quản lý dự án PTCĐ	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM14, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM7, AM8
	CTX306	CTXH với an sinh xã hội	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM14,	AM1, AM2, AM3, AM4, AM7, AM8
	CTX308	Kiểm huấn trong CTXH	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM14, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM7, AM8
	CTX309	Nghiên cứu ứng dụng trong CTXH	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM11, TLM12, TLM14, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM7, AM8
	CTX311	Thực hành CTXH chuyên sâu 2	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM12, TLM14, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM7, AM8, AM9
	CTX312	Phúc lợi gia đình và trẻ em	TLM1, TLM2, TLM4, TLM14, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM7, AM8
	CTX313	Phục hồi chức năng NKT dựa vào cộng đồng	TLM2, TLM4, TLM9, TLM14, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM7
	CTX314	Quản lý trường hợp với trẻ em bị xâm hại trong trường học	TLM2, TLM4, TLM9, TLM14, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM7
	CTX315	Quản lý trường hợp với người tâm thần	TLM1, TLM2, TLM4, TLM14, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM7
	CTX316	Quản lý trường hợp với trẻ tự kỷ	TLM1, TLM2, TLM4, TLM14, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM7
	CTX317	Quản lý trường hợp trong hỗ trợ sinh kế người nghèo	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM14,	AM1, AM2, AM3, AM4, AM7, AM8
PLO8	CTX203	Giới và phát triển bền vững	TLM2, TLM4, TLM9, TLM14, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM7

Chuẩn đầu ra (PLOs)	Ma học phần	Tên học phần	Phương pháp dạy và học (TLMs) được sử dụng	Phương pháp đánh giá (AMs) được sử dụng
	CTX204	Xây dựng và quản lý dự án PTCĐ	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM14, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM7, AM8
	CTX307	Quản trị trong phát triển tổ chức cung cấp dịch vụ CTXH	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM14, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM7, AM8
	CTX308	Kiểm huấn trong CTXH	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM14, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM7, AM8
	CTX310	Thực hành CTXH chuyên sâu 1	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM12, TLM14, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM7, AM8, AM9
	CTX312	Phúc lợi gia đình và trẻ em	TLM1, TLM2, TLM4, TLM14, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM7, AM8,
	CTX313	Phục hồi chức năng NKT dựa vào cộng đồng	TLM2, TLM4, TLM9, TLM14, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM7
	CTX314	Quản lý trường hợp với trẻ em bị xâm hại trong trường học	TLM2, TLM4, TLM9, TLM14, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM7
	CTX315	Quản lý trường hợp với người tâm thần	TLM1, TLM2, TLM4, TLM14, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM7
	CTX316	Quản lý trường hợp với trẻ tự kỷ	TLM1, TLM2, TLM4, TLM14, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM7
	CTX317	Quản lý trường hợp trong hỗ trợ sinh kế người nghèo	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM14	AM1, AM2, AM3, AM4, AM7, AM8,
	CTX318	Tham vấn điều trị nghiện ma túy	TLM1, TLM2, TLM4, TLM14	AM1, AM2, AM4, AM7
	CTX319	Tham vấn tâm lý cho trẻ em bị xâm hại	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM14	AM1, AM2, AM3, AM4, AM7, AM8,
	CTX320	Tham vấn trong bệnh viện	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM14	AM1, AM2, AM3, AM4, AM7, AM8,

Chuẩn đầu ra (PLOs)	Ma học phần	Tên học phần	Phương pháp dạy và học (TLMs) được sử dụng	Phương pháp đánh giá (AMs) được sử dụng
	CTX321	Tham vấn cho nạn nhân bị bạo lực gia đình	TLM1, TLM2, TLM4, TLM14,	AM1, AM2, AM4, AM7
PLO9	QTN307	Kỹ năng lãnh đạo và quản lý	TLM1, TLM2, TLM4	AM1, AM2, AM4, AM7
	CTX307	Quản trị trong phát triển tổ chức cung cấp dịch vụ CTXH	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM14, TLM15	AM1,AM2,AM3,AM4,AM7,AM8,
PLO10	CTX202	Sức khỏe hành vi trong CTXH	TLM1, TLM2, TLM4, TLM14, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM7
	CTX205	Hành vi lệch chuẩn xã hội	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM14, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM7, AM8
	CTX307	Quản trị trong phát triển tổ chức cung cấp dịch vụ CTXH	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM14, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM7, AM8
	CTX318	Tham vấn điều trị nghiện ma túy	TLM1, TLM2, TLM4, TLM14	AM1, AM2, AM4, AM7
	CTX319	Tham vấn tâm lý cho trẻ em bị xâm hại	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM14	AM1, AM2, AM3, AM4, AM7, AM8
	CTX320	Tham vấn trong bệnh viện	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM14	AM1, AM2, AM3, AM4, AM7, AM8
	CTX321	Tham vấn cho nạn nhân bị bạo lực gia đình	TLM1, TLM2, TLM4, TLM14	AM1, AM2, AM4, AM7
PLO11	CTX203	Giới và phát triển bền vững	TLM2, TLM4, TLM9, TLM14, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM7
	CTX204	Xây dựng và quản lý dự án PTCĐ	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM14, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM7, AM8
	CTX205	Hành vi lệch chuẩn xã hội	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM14, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM7, AM8

Chuẩn đầu ra (PLOs)	Ma học phần	Tên học phần	Phương pháp dạy và học (TLMs) được sử dụng	Phương pháp đánh giá (AMs) được sử dụng
	CTX307	Quản trị trong phát triển tổ chức cung cấp dịch vụ CTXH	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM14, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM7, AM8
	CTX308	Kiểm huấn trong CTXH	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM14, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM7, AM8
	CTX309	Nghiên cứu ứng dụng trong CTXH	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM11, TLM12, TLM14, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM7, AM8
	CTX310	Thực hành CTXH chuyên sâu 1	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM12, TLM14, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM7, AM8, AM9
	CTX311	Thực hành CTXH chuyên sâu 2	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM12, TLM14, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM7, AM8, AM9
PLO12	TRH101	Triết học	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM7
	PPN103	Phân tích và hoạch định chính sách xã hội	TLM1, TLM2, TLM4, TLM14, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM7
	CTX202	Sức khỏe hành vi trong CTXH	TLM1, TLM2, TLM4, TLM14, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM7
	QTN307	Kỹ năng lãnh đạo và quản lý	TLM1, TLM2, TLM4	AM1, AM2, AM4, AM7
	CTX204	Xây dựng và quản lý dự án PTCĐ	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM14, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM7, AM8
	CTX306	CTXH với an sinh xã hội	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM14,	AM1, AM2, AM3, AM4, AM7, AM8
	CTX307	Quản trị trong phát triển tổ chức cung cấp dịch vụ CTXH	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM14, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM7, AM8
	CTX308	Kiểm huấn trong CTXH	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM14, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM7, AM8
	CTX309	Nghiên cứu ứng dụng trong CTXH	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM11, TLM12, TLM14, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM7, AM8

Chuẩn đầu ra (PLOs)	Ma học phần	Tên học phần	Phương pháp dạy và học (TLMs) được sử dụng	Phương pháp đánh giá (AMs) được sử dụng
	CTX312	Phúc lợi gia đình và trẻ em	TLM1, TLM2, TLM4, TLM14, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM7, AM8
	CTX313	Phục hồi chức năng NKT dựa vào cộng đồng	TLM2, TLM4, TLM9, TLM14, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM7
	CTX314	Quản lý trường hợp với trẻ em bị xâm hại trong trường học	TLM2, TLM4, TLM9, TLM14, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM7
	CTX315	Quản lý trường hợp với người tâm thần	TLM1, TLM2, TLM4, TLM14, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM7
	CTX316	Quản lý trường hợp với trẻ tự kỷ	TLM1, TLM2, TLM4, TLM14, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM7
	CTX317	Quản lý trường hợp trong hỗ trợ sinh kế người nghèo	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM14	AM1, AM2, AM3, AM4, AM7, AM8
	CTX318	Tham vấn điều trị nghiện ma túy	TLM1, TLM2, TLM4, TLM14	AM1, AM2, AM4, AM7
	CTX319	Tham vấn tâm lý cho trẻ em bị xâm hại	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM14	AM1, AM2, AM3, AM4, AM7, AM8
	CTX320	Tham vấn trong bệnh viện	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM14	AM1, AM2, AM3, AM4, AM7, AM8
	CTX321	Tham vấn cho nạn nhân bị bạo lực gia đình	TLM1, TLM2, TLM4, TLM14	AM1, AM2, AM4, AM7
PLO13	CTX204	Xây dựng và quản lý dự án PTCĐ	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM14, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM7, AM8
	CTX306	CTXH với an sinh xã hội	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM14,	AM1, AM2, AM3, AM4, AM7, AM8
	CTX307	Quản trị trong phát triển tổ chức cung cấp dịch vụ CTXH	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM14, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM7, AM8
	CTX308	Kiểm huấn trong CTXH	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM14, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM7, AM8

Chuẩn đầu ra (PLOs)	Ma học phần	Tên học phần	Phương pháp dạy và học (TLMs) được sử dụng	Phương pháp đánh giá (AMs) được sử dụng
	CTX309	Nghiên cứu ứng dụng trong CTXH	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM11, TLM12, TLM14, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM7, AM8
	CTX310	Thực hành CTXH chuyên sâu 1	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM12, TLM14, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM7, AM8, AM9
	CTX311	Thực hành CTXH chuyên sâu 2	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM12, TLM14, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM7, AM8, AM9
PLO14	PPN103	Phân tích và hoạch định chính sách xã hội	TLM1, TLM2, TLM4, TLM14, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM7
	CTX202	Sức khỏe hành vi trong CTXH	TLM1, TLM2, TLM4, TLM14, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM7
	CTX204	Xây dựng và quản lý dự án PTCĐ	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM14, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM7, AM8
	CTX306	CTXH với an sinh xã hội	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM14	AM1, AM2, AM3, AM4, AM7, AM8
	CTX307	Quản trị trong phát triển tổ chức cung cấp dịch vụ CTXH	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM14, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM7, AM8
	CTX309	Nghiên cứu ứng dụng trong CTXH	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM11, TLM12, TLM14, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM7, AM8
	CTX315	Quản lý trường hợp với người tâm thần	TLM1, TLM2, TLM4, TLM14, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM7
	CTX319	Tham vấn tâm lý cho trẻ em bị xâm hại	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM14	AM1, AM2, AM3, AM4, AM7, AM8

II. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH GIẢNG DẠY

2.1. Cấu trúc chương trình giảng dạy

Kiến thức toàn khóa học: 60 tín chỉ tích lũy. Trong đó:

Bảng 2.1. Cấu trúc chương trình giảng dạy chuyên ngành Công tác xã hội

Khối kiến thức và lập luận về ngành		Số tín chỉ	Tỷ lệ %
1	Kiến thức chung	6	10
2	Kiến thức cơ sở và chuyên ngành	42	70
3	Luận văn thạc sĩ	12	20
Tổng cộng		60	100%

2.2. Các khối kiến thức chương trình giảng dạy

2.2.1. Khối kiến thức chung (6 tín chỉ)

Khối kiến thức này nhằm cung cấp cho người học:

- Những kiến thức cơ bản thuộc về thế giới quan và phương pháp luận chung về xã hội và con người.
- Những kiến thức nền tảng về phương pháp nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn.

2.2.2. Khối kiến thức cơ sở (12 tín chỉ)

Khối kiến thức này nhằm cung cấp cho học viên:

- Kiến thức về phân tích và hoạch định chính sách cơ sở của hoạch định chính sách, quy trình hoạch định chính sách, yêu cầu của phân tích chính sách, các điều kiện để tiến hành phân tích chính sách và các giai đoạn phân tích chính sách.
- Kiến thức tổng quan sức khỏe hành vi, các mô hình can thiệp sức khỏe hành vi ở các nước cũng như ở Việt Nam.
- Cung cấp kiến thức về mối quan hệ giữa chủ thể lãnh đạo, quản lý và đối tượng lãnh đạo, quản lý nhằm tìm ra quy luật, tính quy luật và những nguyên tắc, quy trình, phương pháp hình thành và phát triển kỹ năng lãnh đạo, quản lý.
- Cung cấp các kiến thức lý luận cơ bản trong tiếp cận nghiên cứu các vấn đề của giới và phát triển và bền vững, vận dụng các phương pháp khoa học trong việc lồng ghép giới đối với các chương trình, chính sách và dự án.
- Cung cấp phương pháp, quy trình xây dựng và quản lý dự án phát triển cộng đồng dựa trên nền kiến thức cơ bản về phát triển cộng đồng như một phương pháp của công tác xã hội và dựa trên tổng quan về xây dựng và quản lý dự án nói chung.

- Cung cấp những kiến thức về cơ sở lý luận về hành vi sai lệch chuẩn mực xã hội, các lý thuyết và quan điểm về sai lệch chuẩn mực xã hội, nhận diện, đánh giá một số hành vi sai lệch chuẩn mực xã hội trong xã hội hiện đại.

2.2.3. Khối kiến thức chuyên ngành (30 tín chỉ)

Khối kiến thức này nhằm cung cấp cho học viên:

- Kiến thức về công tác xã hội với an sinh xã hội: khái niệm, mục đích vai trò của công tác xã hội với an sinh xã hội, các hoạt động công tác xã hội với an sinh xã hội, kiến thức về hệ thống chính sách an sinh xã hội, chương trình an sinh xã hội ở Việt Nam.

- Kiến thức về Quản trị trong phát triển tổ chức cung cấp dịch vụ công tác xã hội: kỹ năng trong việc quản lý, điều hành, tổ chức để phát triển cơ quan, đơn vị nhằm đạt được các mục tiêu của cơ quan là cung cấp các dịch vụ tốt nhất cho xã hội.

- Kiến thức Kiểm huấn trong Công tác xã hội và Nghiên cứu ứng dụng: trong Công tác xã hội

- Thực hành Công tác xã hội chuyên sâu 1, 2: học viên cũng sẽ tham gia trực tiếp vào thực hiện các hoạt động công tác xã hội hỗ trợ những nhóm đối tượng yếu thế như Trẻ em, người cao tuổi, người khuyết tật, người tâm thần.

- Kiến thức về Phúc lợi gia đình và trẻ em: kiến thức mục đích, vai trò của phúc lợi xã hội, hệ thống cung cấp dịch vụ phúc lợi cho gia đình và trẻ em, các chương trình hỗ trợ trẻ em và gia đình, các vấn đề phúc lợi trẻ em hiện nay của Việt Nam.

- Phục hồi chức năng người khuyết tật dựa vào cộng đồng:

- Quản lý trường hợp với trẻ em bị xâm hại trong trường học, quản lý trường hợp với người tâm thần, quản lý trường hợp với trẻ tự kỷ, quản lý trường hợp trong hỗ trợ sinh kế người nghèo...

- Tham vấn điều trị nghiện ma túy, Tham vấn tâm lý cho trẻ em bị xâm hại, Tham vấn trong bệnh viện, tham vấn cho nạn nhân bị bạo lực gia đình.

2.2.4. Luận văn thạc sĩ (12 tín chỉ)

Khối kiến thức này giúp người học khả năng phân tích, tổng hợp và vận dụng các kiến thức cơ sở và chuyên ngành vào thực tế công việc với các lĩnh vực và đối tượng đặc thù của CTXH.

Bảng 2.2. Ma trận liên hệ giữa các khối kiến thức và Chuẩn đầu ra (PLOs)

TT	Khối kiến thức	Số tín chỉ		Chuẩn đầu ra (PLOs)													
		SL	%	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
1	Kiến thức chung	6	10	M	H	L	M	M	M	M	M	M	L	M	L	L	L

2	Kiến thức cơ sở và chuyên ngành	42	70	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	H	H	H	M	L
3	Luận văn thạc sĩ	12	20	M	M	H	H	H	H	H	M	H	M	H	H	H	H	M

Chú thích: H - Cao, M - Trung bình, L - Thấp

2.3. Danh sách học phần

Bảng 2.3. Danh sách các học phần trong chương trình giảng dạy chuyên ngành Công tác xã hội

TT	Mã HP	Tên học phần		Số tín chỉ					Mã HP trước	Mã HP song hành
				<i>(Lý thuyết – LT; Thực hành – TH; Thi nghiệm – TN; Đồ án – ĐA; Thực tập – TT)</i>						
				Tiếng Việt	Tiếng Anh	Tổng	LT	TH/TN		
1.1 Kiến thức chung				6						
	TRH101	Triết học	Philosophy	4	4	0	0	0		
	PPN102	Phương pháp nghiên cứu khoa học	Research Methodology	2	2	0	0	0		
1.2 Kiến thức cơ sở và chuyên ngành										
1.2.1 Kiến thức cơ sở										
1.2.1.1	<i>Các học phần bắt buộc</i>			6						
1.2.1.1.1	CTX201	Phân tích và hoạch định chính sách	Analyzing and planing social policy	3	3	0	0	0		
1.2.1.1.2	CTX202	Sức khỏe hành vi trong Công tác xã hội	Integrated Behavioral Health in Social work	3	3	0	0	0		
1.2.1.2	<i>Các học phần tự chọn (chọn 2 trong 4 học phần sau)</i>			6						
1.2.1.2..1	QTN307	Kỹ năng lãnh đạo và quản lý	Leadership and Management Skills	3	3	0	0	0		

1.2.1.2.2	CTX203	Giới và phát triển bền vững	Gender and sustainable development	3	3	0	0	0		
1.2.1.2.3	CTX204	Xây dựng và quản lý dự án phát triển cộng đồng	Developing and Managing Project for Community Development	3	3	0	0	0		
1.2.1.2.4	CTX205	Hành vi lệch chuẩn xã hội	Deviance behavior social	3	3	0	0	0		
1.2.2. Kiến thức chuyên ngành										
<i>1.2.2.1</i>	<i>Các học phần bắt buộc</i>			15						
1.2.2.1.1	CTX306	Công tác xã hội với An sinh xã hội	Social Work with Social Security/Protection	3	3	0	0	0		
1.2.2.1.2	CTX307	Quản trị trong phát triển tổ chức cung cấp dịch vụ công tác xã hội	Administration in developing social work service facilities	3	3	0	0	0		
1.2.2.1.3	CTX308	Kiểm huấn trong Công tác xã hội	Social work supervision	3	3	0	0	0		
1.2.2.1.4	CTX309	Nghiên cứu ứng dụng trong Công tác xã hội	Research apply in social work	2	2	0	0	0		
1.2.2.1.5	CTX310	Thực hành Công tác xã hội chuyên sâu 1	Specilized Social work Practice 1	2	0	2	0	0		
1.2.2.1.6	CTX311	Thực hành Công tác xã hội chuyên sâu 2	Specilized Social work Practice 2	2	0	2	0	0		

1.2.2.2	<i>Học phần tự chọn (chọn 5 trong 10 học phần sau)</i>			15						
1.2.2.2.1	CTX312	Phúc lợi gia đình và trẻ em	Child and family welfare	3	3	0	0	0		
1.2.2.2.2	CTX313	Phục hồi chức năng người khuyết tật dựa vào cộng đồng	Function development for People with disability based community	3	3	0	0	0		
1.2.2.2.3	CTX314	Quản lý trường hợp với trẻ em bị xâm hại trong trường học	Case management with child abused in school	3	3	0	0	0		
1.2.2.2.4	CTX315	Quản lý trường hợp với người tâm thần	Case management with metal disorder person	3	3	0	0	0		
1.2.2.2.5	CTX316	Quản lý trường hợp với trẻ tự kỷ	Case management with child autism	3	3	0	0	0		
1.2.2.2.6	CTX317	Quản lý trường hợp trong hỗ trợ sinh kế người nghèo	Case management in supporting livelihoods of the poor	3	3	0	0	0		
1.2.2.2.7	CTX318	Tham vấn điều trị nghiện ma túy	Counseling for drug abused	3	3	0	0	0		
1.2.2.2.8	CTX319	Tham vấn tâm lý cho trẻ em bị xâm hại	Psychology consultation for abused children	3	3	0	0	0		
1.2.2.2.9	CTX320	Tham vấn trong bệnh viện	Counseling in hospital	3	3	0	0	0		

1.2.2.2.10	CTX321	Tham vấn cho nạn nhân bị bạo lực gia đình	Counseling with victim suffering from domestic violence	3	3	0	0	0						
1.3 Luận văn thạc sĩ				12										
Tổng cộng				60										

2.4. Ma trận đáp ứng giữa các học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Bảng 2.4. Ma trận đáp ứng giữa các học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

TT	Mã HP	Tên học phần	CHUẨN ĐẦU RA PLOs														
			Kiến thức					Kỹ năng					Mức tự chủ, chịu trách nhiệm				Trình độ Ngoại ngữ
			PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10	PLO11	PLO12	PLO13	PLO14	
	1.1.	Kiến thức chung															
1	TRH101	Triết học	I, T, U											I, T, U			
2	PPN102	Phương pháp nghiên cứu khoa học		I, T				I, T, U	I, T, U								
	1.2	Kiến thức cơ sở và chuyên ngành															
	1.2.1	Kiến thức cơ sở															

	1.2.1.1	Các học phần bắt buộc														
3	CTX201	Phân tích và hoạch định chính sách	I, T, U	I, T, U		T, U								U		U
4	CTX202	Sức khỏe hành vi trong Công tác xã hội				I, T					T, U			U		U
	1.2.1.2	Các học phần tự chọn (Chọn 2 trong 4 học phần)														
5	QTN307	Kỹ năng lãnh đạo và quản lý		I, T, U						I, T, U				U		
6	CTX203	Giới và phát triển bền vững			I, T, U				I, T, U			T, U				
7	CTX204	Xây dựng và quản lý dự án phát triển cộng đồng				I, T	I, T		I, T, U	I, T, U	I, T, U	I, T, U	I, T, U	I, T, U	I, T, U	I, T, U
8	CTX205	Hành vi lệch chuẩn xã hội				I, T					I, T, U	I, T, U				
	1.2.2	Kiến thức chuyên ngành														

	1.2.2.1	Các học phần bắt buộc													
9	CTX306	Công tác xã hội với An sinh xã hội	I, T	I, T				I, T, U	I, T, U				T, U	T, U	T, U
10	CTX307	Quản trị trong phát triển tổ chức cung cấp dịch vụ công tác xã hội				I, T			I, T, U	I, T, U			I, T, U	I, T, U	I, T, U
11	CTX308	Kiểm huấn trong Công tác xã hội	I, T, U		I, T, U	I, T, U	I, T, U	T, U		T, U			T, U		T, U
12	CTX309	Nghiên cứu ứng dụng trong Công tác xã hội	I, T		I, T			T, U	T, U				T, U	T, U	T, U
13	CTX310	Thực hành Công tác xã hội chuyên sâu 1	I, T, U		I, T, U	I, T, U	I, T, U	T, U		T, U			T, U		T, U
14	CTX311	Thực hành Công tác xã hội chuyên sâu 2	I, T, U		I, T, U	I, T, U	I, T, U	T, U		T, U			T, U		T, U
	1.2.2.2	Các học phần tự chọn (Chọn 5 trong 10 học phần)													
15	CTX312	Phúc lợi gia đình và trẻ em	I, T, U	I, T, U		I, T, U		I, T, U	T, U				T, U		T, U

16	CTX313	Phục hồi chức năng người khuyết tật dựa vào cộng đồng	I, T, U	I, T, U		I, T, U								U		
17	CTX314	Quản lý trường hợp với trẻ em bị xâm hại trong trường học	I, T, U			I, T, U		I, T, U	I, T, U					U		
18	CTX315	Quản lý trường hợp với người tâm thần	I, T			I, T		I, T, U						T, U		U
19	CTX316	Quản lý trường hợp với trẻ tự kỷ	I, T			I, T		I, T, U						T, U		
20	CTX317	Quản lý trường hợp trong hỗ trợ sinh kế người nghèo	I, T			I, T, U		I, T, U						T, U		
21	CTX318	Tham vấn điều trị nghiện ma túy	I, T	I, T, U			I, T, U		I, T, U		I, T, U			T, U		
22	CTX319	Tham vấn tâm lý cho trẻ em bị xâm hại	I, T	I, T, U			I, T, U		I, T, U		I, T, U			T, U		
23	CTX320	Tham vấn trong bệnh viện	I, T	I, T, U					I, T, U		I, T, U			T, U		
24	CTX321	Tham vấn cho nạn nhân bị bạo lực gia đình	I, T	I, T, U					I, T, U		I, T, U			T, U		

Ghi chú: I - Introduce, T - Teach, U - Utilize

2.5. Ma trận Chiến lược phương pháp dạy và học của các học phần nhằm đáp ứng chuẩn đầu ra

Bảng 2.5. Ma trận Chiến lược phương pháp dạy và học của các học phần nhằm đáp ứng chuẩn đầu ra

Mã học phần	Tên học phần	Phương pháp dạy và học TLMs																
		TL M1	TL M2	TL M3	TL M4	TL M5	TL M6	TL M7	TL M8	TL M9	TLM 10	TLM 11	TLM 12	TLM 13	TLM 14	TLM 15	TLM 16	TLM 17
	1.1 Kiến thức chung																	
TRH101	Triết học	X	X		X			X	X		X					X		
PPN102	Phương pháp nghiên cứu khoa học	X	X		X										X	X		
	1.2. Kiến thức cơ sở và chuyên ngành																	
1.2.1	Kiến thức cơ sở																	
1.2.1.1	Các học phần bắt buộc																	
CTX201	Phân tích và hoạch định chính sách	X	X		X										X	X		
CTX202	Sức khỏe hành vi trong Công tác xã hội	X	X		X										X	X		
1.2.1.2	Các học phần tự chọn (Chọn 2 trong 4 môn)																	
QTN307	Kỹ năng lãnh đạo và quản lý	X	X		X													
CTX203	Giới và phát triển bền vững		X		X					X					X	X		
CTX204	Xây dựng và quản lý dự án phát triển cộng đồng	X	X		X			X							X	X		

Mã học phần	Tên học phần	Phương pháp dạy và học TLMs																
		TL M1	TL M2	TL M3	TL M4	TL M5	TL M6	TL M7	TL M8	TL M9	TLM 10	TLM 11	TLM 12	TLM 13	TLM 14	TLM 15	TLM 16	TLM 17
CTX205	Hành vi lệch chuẩn xã hội	X	X		X			X							X	X		
1.2.2	Kiến thức chuyên ngành																	
<i>1.2.2.1</i>	<i>Các học phần bắt buộc</i>																	
CTX306	Công tác xã hội với An sinh xã hội	X	X		X			X							X			
CTX307	Quản trị trong phát triển tổ chức cung cấp dịch vụ công tác xã hội	X	X		X			X							X	X		
CTX308	Kiểm huấn trong Công tác xã hội	X	X		X			X							X	X		x
CTX309	Nghiên cứu ứng dụng trong Công tác xã hội	X	X		X			X			X	X		X	X			
CTX310	Thực hành Công tác xã hội chuyên sâu 1	X	X		X			X	X			X		X	X			
CTX311	Thực hành Công tác xã hội chuyên sâu 2	X	X		X			X	X			X		X	X			
<i>1.2.2.2</i>	<i>Các học phần tự chọn (chọn 4 trong 10 môn)</i>																	
CTX312	Phúc lợi gia đình và trẻ em	X	X		X										X	X		

Mã học phần	Tên học phần	Phương pháp dạy và học TLMs																
		TL M1	TL M2	TL M3	TL M4	TL M5	TL M6	TL M7	TL M8	TL M9	TLM 10	TLM 11	TLM 12	TLM 13	TLM 14	TLM 15	TLM 16	TLM 17
CTX313	Phục hồi chức năng người khuyết tật dựa vào cộng đồng		X		X					X					X	X		
CTX314	Quản lý trường hợp với trẻ em bị xâm hại trong trường học		X		X					X					X	X		
CTX315	Quản lý trường hợp với người tâm thần	X	X		X										X	X		
CTX316	Quản lý trường hợp với trẻ tự kỷ	X	X		X										X	X		
CTX317	Quản lý trường hợp trong hỗ trợ sinh kế người nghèo	X	X		X			X							X			
CTX318	Tham vấn điều trị nghiện ma túy	X	X		X										X			
CTX319	Tham vấn tâm lý cho trẻ em bị xâm hại	X	X		X										X			
CTX320	Tham vấn trong bệnh viện	X	X		X			X							X			
CTX321	Tham vấn cho nạn nhân bị bạo lực gia đình	X	X		X										X			

2.6. Ma trận phương pháp đánh giá của các học phần nhằm đáp ứng chuẩn đầu ra

Bảng 2.6. Bảng ma trận phương pháp đánh giá các học phần đáp ứng chuẩn đầu ra

Mã HP	Tên học phần	Phương pháp dạy và học TMLs								
		Đánh giá theo tiến trình			Đánh giá tổng kết, định kỳ					
		AM1	AM2	AM3	AM4	AM5	AM6	AM7	AM8	AM9
	1.1 Kiến thức chung									
TRH101	Triết học	X	X		X			X		
PPN102	Phương pháp nghiên cứu khoa học	X	X		X			X		
	1.2 Kiến thức cơ sở và chuyên ngành									
1.2.1	Kiến thức cơ sở									
1.2.1.1	<i>Các học phần bắt buộc</i>									
CTX201	Phân tích và hoạch định chính sách	X	X		X			X		
CTX202	Sức khỏe hành vi trong Công tác xã hội	X	X		X			X		
1.2.1.2	Các học phần tự chọn (chọn 2 trong 4 học phần)									
QTN307	Kỹ năng lãnh đạo và quản lý	X	X		X			X		

CTX203	Giới và phát triển bền vững	X	X		X			X		
CTX204	Xây dựng và quản lý dự án phát triển cộng đồng	X	X	X	X			X	X	
CTX205	Hành vi lệch chuẩn xã hội	X	X	X	X			X	X	
1.2.2	Kiến thức chuyên ngành									
1.2.2.1	<i>Các học phần bắt buộc (chọn 2 trong 4 học phần)</i>									
CTX306	Công tác xã hội với An sinh xã hội	X	X	X	X			X	X	
CTX307	Quản trị trong phát triển tổ chức cung cấp dịch vụ công tác xã hội	X	X	X	X			X	X	
CTX308	Kiểm huấn trong Công tác xã hội	X	X	X	X			X	X	
CTX309	Nghiên cứu ứng dụng trong Công tác xã hội	X	X	X	X			X	X	
CTX310	Thực hành Công tác xã hội chuyên sâu 1	X	X	X	X			X	X	X
CTX311	Thực hành Công tác xã hội chuyên sâu 2	X	X	X	X			X	X	X
1.2.2.2	<i>Học phần tự chọn (chọn 5 trong 10 học phần sau)</i>									
CTX312	Phúc lợi gia đình và trẻ em	X	X	X	X			X	X	

CTX313	Phục hồi chức năng người khuyết tật dựa vào cộng đồng	X	X		X			X		
CTX314	Quản lý trường hợp với trẻ em bị xâm hại trong trường học	X	X		X			X		
CTX315	Quản lý trường hợp với người tâm thần	X	X		X			X		
CTX316	Quản lý trường hợp với trẻ tự kỷ	X	X		X			X		
CTX317	Quản lý trường hợp trong hỗ trợ sinh kế người nghèo	X	X	X	X			X	X	
CTX318	Tham vấn điều trị nghiện ma túy	X	X		X			X		
CTX319	Tham vấn tâm lý cho trẻ em bị xâm hại	X	X		X			X		
CTX320	Tham vấn trong bệnh viện	X	X	X	X			X	X	
CTX321	Tham vấn cho nạn nhân bị bạo lực gia đình	X	X		X			X		

2.7. Tiến trình giảng dạy

Bảng 2.7 Sơ đồ tiến trình đào tạo

SƠ ĐỒ TIẾN TRÌNH ĐÀO TẠO CHUYÊN NGÀNH CÔNG TÁC XÃ HỘI													
Học kỳ I	Triết học (4TC)		Phương pháp nghiên cứu khoa học (2TC)		Phân tích và hoạch định chính sách (3TC)		Công tác xã hội với An sinh xã hội (3TC)		Kỹ năng lãnh đạo và quản lý (3TC)	Giới và phát triển bền vững (3TC)	Xây dựng và quản lý dự án phát triển cộng đồng (3TC)	Hành vi lệch chuẩn xã hội (3TC)	
	Học phần tự chọn: Chọn 1/4 học phần (3TC)												
Học kỳ II	Quản trị trong phát triển tổ chức cung cấp dịch vụ Công tác xã hội (3TC)					Kiểm huấn trong Công tác xã hội (3TC)				Thực hành Công tác xã hội chuyên sâu 1 (2TC)			
Học kỳ III	Sức khỏe hành vi trong Công tác xã hội (3TC)	Nghiên cứu ứng dụng trong Công tác xã hội (2TC)	Thực hành Công tác xã hội chuyên sâu 2 (2TC)		Phúc lợi gia đình và trẻ em (3TC)	Phục hồi chức năng người khuyết tật dựa vào cộng đồng (3TC)	Quản lý trường hợp với trẻ em bị xâm hại trong trường học (3TC)	Quản lý trường hợp với trẻ tự kỷ (3TC)	Quản lý trường hợp trong hỗ trợ sinh kế người nghèo (3TC)	Tham vấn điều trị nghiện ma túy (3TC)	Tham vấn tâm lý cho trẻ em bị xâm hại (3TC)	Tham vấn trong bệnh viện (3TC)	Tham vấn cho nạn nhân bị bạo lực gia đình (3TC)
	Học phần tự chọn: Chọn 5/10 học phần (3TC)												
Học kỳ IV	Luận văn thạc sĩ (12TC)												

2.8. Mô tả tóm tắt nội dung các học phần

1. Triết học

Số tín chỉ: 04 tín chỉ

Nội dung tóm tắt học phần: Chương trình môn Triết học có 8 chương, trong đó gồm: chương mở đầu (*chương 1*: Khái luận về triết học) nhằm giới thiệu tổng quan về triết học và lịch sử triết học; 3 chương bao quát các nội dung cơ bản thuộc về thế giới quan và phương pháp luận chung của nhận thức và thực tiễn (*chương 2*: Bản thể luận, *chương 3*: Phép biện chứng, *chương 4*: Nhận thức luận); 4 chương bao quát các nội dung lý luận triết học về xã hội và con người (*chương 5*: Học thuyết hình thái kinh tế - xã hội, *chương 6*: Triết học chính trị, *chương 7*: Ý thức xã hội, *chương 8*: Triết học về con người).

2. Phương pháp nghiên cứu khoa học

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Nội dung tóm tắt học phần: Học phần sẽ cung cấp cho sinh viên những kiến thức nền tảng về phương pháp nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn. Thông qua môn học, học viên sẽ nắm được các nguyên lý cơ bản trong phương pháp nghiên cứu, biết được mục đích của nghiên cứu cũng như cách thức tiến hành nghiên cứu. Học viên sẽ nắm được các bước trong một quy trình nghiên cứu, từ việc xác định vấn đề nghiên cứu, đặt câu hỏi nghiên cứu, lập kế hoạch nghiên cứu cho tới tiến hành thu thập và xử lý dữ liệu, viết báo cáo và trình bày kết quả nghiên cứu. Học phần cũng sẽ cung cấp cho người học các công cụ và phương pháp phân tích và xử lý dữ liệu như: SPSS, PLS-SEM, AMOS, Fuzzy AHP... Bên cạnh giờ giảng lý thuyết, học viên sẽ thực hiện đề án nghiên cứu để làm quen với việc tiến hành một nghiên cứu trong lĩnh vực kinh tế và xã hội.

3. Phân tích và hoạch định chính sách xã hội

Số tín chỉ: 03 tín chỉ

Nội dung tóm tắt học phần: Học phần này phân tích về quá trình hoạch định chính sách và những nhiệm vụ chủ yếu của hoạt động phân tích chính sách. Học phần đề cập đến các nội dung như cơ sở của hoạch định chính sách, quy trình hoạch định chính sách, yêu cầu của phân tích chính sách, các điều kiện để tiến hành phân tích chính sách và các giai đoạn phân tích chính sách. Việc hoạch định và phân tích chính sách sẽ được thực hành trên một số chính sách xã hội cụ thể ở Việt Nam.

4. Sức khỏe hành vi trong Công tác xã hội

Số tín chỉ: 03 tín chỉ

Nội dung tóm tắt học phần: Học phần giúp học viên nắm được kiến thức tổng quan sức khỏe hành vi. Học phần đề cập đến các khái niệm sức khỏe hành vi, và các khái niệm liên quan, các mô hình can thiệp sức khỏe hành vi ở các nước cũng như ở Việt Nam. Học phần cung cấp cho học viên các kiến thức khái niệm, mục đích vai trò của nhân

viên công tác xã hội trong can thiệp tích hợp sức khỏe hành vi, một số vấn đề đạo đức đối với vai trò của nhân viên CTXH trong can thiệp sức khỏe hành vi. Đồng thời cũng cung cấp kiến thức về tiến trình can thiệp của CTXH trong sức khỏe hành vi và cập nhật những xu hướng mới trong can thiệp tích hợp sức khỏe hành vi.

5. Kỹ năng lãnh đạo và quản lý

Số tín chỉ: 03 tín chỉ

Nội dung tóm tắt học phần: Học phần Kỹ năng lãnh đạo và quản lý là học phần cơ sở, áp dụng chung trong chương trình đào tạo bậc thạc sĩ các ngành học. Học phần này nghiên cứu mối quan hệ giữa chủ thể lãnh đạo, quản lý và đối tượng lãnh đạo, quản lý nhằm tìm ra quy luật, tính quy luật và những nguyên tắc, quy trình, phương pháp hình thành và phát triển kỹ năng lãnh đạo, quản lý.

6. Giới và phát triển bền vững

Số tín chỉ: 03 tín chỉ

Nội dung tóm tắt học phần: Môn học này trước hết cung cấp các kiến thức lý luận cơ bản trong tiếp cận nghiên cứu các vấn đề của giới và phát triển và bền vững. Tiếp đó là những phân tích khoa học về giới trong mối quan hệ với phát triển bền vững được nghiên cứu trọng tâm và dưới nhiều khía cạnh khác nhau của đời sống xã hội. Cuối cùng môn học này đề cập đến việc vận dụng các phương pháp khoa học trong việc lồng ghép giới đối với các chương trình, chính sách và dự án.

7. Xây dựng và quản lý dự án phát triển cộng đồng

Số tín chỉ: 03 tín chỉ

Nội dung tóm tắt học phần: Môn học này giới thiệu phương pháp, quy trình xây dựng và quản lý dự án phát triển cộng đồng dựa trên nền kiến thức cơ bản về phát triển cộng đồng như một phương pháp của công tác xã hội và dựa trên tổng quan về xây dựng và quản lý dự án nói chung. Ngoài ra, môn học cũng giới thiệu một số công cụ và phương pháp quan trọng hỗ trợ cho quá trình xây dựng và quản lý dự án phát triển cộng đồng, trong đó đáng chú ý là phương pháp tiếp cận khung logic cũng như phương pháp xây dựng khung logic. Môn học cung cấp các kỹ năng nhằm giúp người học hiểu và vận dụng được trong quá trình xây dựng và quản lý một dự án phát triển cộng đồng như các kỹ năng điều phối, lập kế hoạch... Môn học giúp người học có một thái độ đúng đắn trong khi thực hiện triển khai các hoạt động dự án tại cộng đồng

8. Hành vi lệch chuẩn xã hội

Số tín chỉ: 03 tín chỉ

Nội dung tóm tắt học phần: Học phần này cung cấp những kiến thức về cơ sở lý luận về hành vi sai lệch chuẩn mực xã hội, các lý thuyết và quan điểm về sai lệch chuẩn mực xã hội, nhận diện, đánh giá một số hành vi sai lệch chuẩn mực xã hội trong xã hội hiện đại.

9. Công tác xã hội với an sinh xã hội

Số tín chỉ: 03 tín chỉ

Nội dung tóm tắt học phần: Học phần giúp học viên nắm được kiến thức tổng quan về an sinh xã hội. Học phần đề cập đến các khái niệm an sinh, các mô hình an sinh ở các nước cũng như ở Việt Nam, các hợp phần cơ bản của an sinh xã hội. Học phần cung cấp cho học viên các kiến thức khái niệm, mục đích vai trò của công tác xã hội với an sinh xã hội, các hoạt động công tác xã hội với an sinh xã hội. Đồng thời cũng cập nhật kiến thức về hệ thống chính sách an sinh xã hội, chương trình an sinh xã hội ở Việt Nam.

10. Quản trị trong phát triển tổ chức cung cấp dịch vụ công tác xã hội

Số tín chỉ: 03 tín chỉ

Nội dung tóm tắt học phần: Học phần nhằm cung cấp kiến thức, kỹ năng trong việc quản lý, điều hành, tổ chức để phát triển cơ quan, đơn vị nhằm đạt được các mục tiêu của cơ quan là cung cấp các dịch vụ tốt nhất cho xã hội. Những kỹ năng cốt lõi của quản trị như việc hoạch định chiến lược phát triển cơ quan nhằm triển khai thực hiện các chính sách xã hội thành dịch vụ xã hội liên quan đến tiến trình trong việc phát triển cơ quan phù hợp với tình hình chính trị, xã hội và kinh tế để đạt được việc phân phối các nguồn lực trong xã hội, đáp ứng các yêu cầu về an sinh xã hội. Môn học nhấn mạnh đến tinh thần làm việc hợp tác theo nhóm, thông qua hoạt động thực tiễn, nghiên cứu để đề xuất các chính sách xã hội cần thiết và phù hợp cho xã hội.

11. Kiểm huấn trong Công tác xã hội

Số tín chỉ: 03 tín chỉ

Nội dung tóm tắt học phần: Học phần này cung cấp những kiến thức nền tảng và chuyên sâu về nội dung kiểm huấn trong công tác xã hội. Học viên sẽ nắm chắc được các khái niệm về kiểm huấn cũng như vai trò của của kiểm huấn trong lĩnh vực Công tác xã hội và các hình thức kiểm huấn khác nhau. Ngoài ra để giúp học viên có được cái nhìn chuyên sâu và có thể áp dụng được các nội dung trong lĩnh vực kiểm huấn thì học phần cũng cung cấp các kiến thức về tiến trình kiểm huấn có hiệu quả trong lĩnh vực Công tác xã hội cũng như kiểm huấn với một số nhóm cụ thể.

12. Nghiên cứu ứng dụng trong công tác xã hội

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Nội dung tóm tắt học phần: Học phần này nhằm trang bị những kiến thức cơ bản về hệ thống phương pháp nghiên cứu ứng dụng trong công tác xã hội, các bước tiến hành nghiên cứu trong công tác xã hội, cách thức phát hiện, nắm bắt và lựa chọn vấn đề nghiên cứu; cách thiết kế nghiên cứu trong công tác xã hội học từ khâu xác định vấn đề nghiên cứu, xây dựng mục tiêu nghiên cứu, thao tác hoá khái niệm, xây dựng bộ công cụ cho thu thập thông tin; kỹ năng viết báo cáo nghiên cứu, kỹ năng thiết kế các loại

hình nghiên cứu trong công tác xã hội cho phù hợp với từng trường hợp nghiên cứu cụ thể.

13. Thực hành công tác xã hội chuyên sâu 1

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Nội dung tóm tắt học phần: Trong môn học này, học viên sẽ được vận dụng các kiến thức chuyên sâu của công tác xã hội vào làm việc với các nhóm đối tượng đặc thù trong các cơ sở/trung tâm công tác xã hội. Cụ thể là học viên sẽ vận dụng thái độ, nguyên tắc, tiến trình, kỹ năng công tác xã hội để phân tích đánh giá các hoạt động công tác xã hội tại các cơ sở đó. Ngoài ra, với sự kiểm huấn sát sao, học viên cũng sẽ tham gia trực tiếp vào thực hiện các hoạt động công tác xã hội hỗ trợ những nhóm đối tượng yếu thế như Trẻ em, người cao tuổi, người khuyết tật, người tâm thần.

14. Thực hành công tác xã hội chuyên sâu 2

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Nội dung tóm tắt học phần: Trong môn học này, học viên sẽ được vận dụng các kiến thức chuyên sâu của công tác xã hội vào làm việc với người dân và các nhóm đối tượng tại cộng đồng. Cụ thể là học viên sẽ vận dụng thái độ, nguyên tắc, tiến trình, kỹ năng công tác xã hội để phân tích đánh giá các hoạt động công tác xã hội đang được triển khai tại cộng đồng trong việc trợ giúp đối tượng. Ngoài ra, với sự kiểm huấn sát sao, học viên cũng sẽ tham gia trực tiếp vào thực hiện các hoạt động công tác xã hội nhằm hỗ trợ trực tiếp các nhóm đối tượng yếu thế tại cộng đồng thông qua việc huy động sức mạnh và sự tham gia của người dân, các cơ quan tổ chức và chính quyền địa phương.

15. Phúc lợi gia đình và trẻ em

Số tín chỉ: 03 tín chỉ

Nội dung tóm tắt học phần: Học phần giúp học viên nắm được kiến thức tổng quan về phúc lợi gia đình và trẻ em. Học phần đề cập đến các khái niệm phúc lợi xã hội, các thể chế pháp luật, các phương pháp tiếp cận quốc tế, mô hình phúc lợi xã hội ở các nước cũng như ở Việt Nam. Học phần cung cấp cho học viên các kiến thức mục đích, vai trò của phúc lợi xã hội, hệ thống cung cấp dịch vụ phúc lợi cho gia đình và trẻ em, các chương trình hỗ trợ trẻ em và gia đình, các vấn đề phúc lợi trẻ em hiện nay của Việt Nam. Học phần đồng thời giúp người học hiểu và phân tích được các vấn đề chính mà trẻ em và gia đình phải đối mặt, các tác động của các vấn đề xã hội đến sự phát triển của các dịch vụ xã hội cho gia đình và trẻ em.

16. Phục hồi chức năng người khuyết tật dựa vào cộng đồng

Số tín chỉ: 03 tín chỉ

Nội dung tóm tắt học phần: Học phần trình bày những kiến thức tổng quan, cơ bản, hệ thống về khuyết tật và người khuyết tật, phân loại khuyết tật, mô hình khuyết tật, kiến thức về Phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng và nắm lĩnh vực cơ bản trong phục hồi

chức năng dựa vào cộng đồng cho người khuyết tật (y tế, giáo dục, sinh kế, xã hội và tăng quyền).

17. Quản lý trường hợp với trẻ em bị xâm hại trong trường học

Số tín chỉ: 03 tín chỉ

Nội dung tóm tắt học phần: Học phần này phân tích về các hoạt động quản lý trường hợp với trẻ em bị xâm hại trong trường học. Học phần đề cập đến những vấn đề chung về trẻ và trẻ bị xâm hại, gồm các khái niệm, nguyên tắc, vai trò của quản lý trường hợp với trẻ bị xâm hại.. Tiếp đó là quy trình quản lý trường hợp và các kỹ năng sử dụng trong quản lý trường hợp với trẻ em bị xâm hại trong trường học

18. Quản lý trường hợp với người tâm thần

Số tín chỉ: 03 tín chỉ

Nội dung tóm tắt học phần: Học phần này cung cấp những kiến thức về quản lý trường hợp với người tâm thần. Học phần đề cập đến các nội dung như mục đích, nguyên tắc, vai trò của quản lý trường hợp với người tâm thần. Bên cạnh đó học phần cũng đưa ra quy trình quản lý trường hợp trông chăm sóc và phục hồi chức năng cho người tâm thần cũng như những kỹ năng cần thiết trong quá trình thực hiện quản lý trường hợp với người tâm thần.

19. Quản lý trường hợp với trẻ tự kỷ

Số tín chỉ: 03 tín chỉ

Nội dung tóm tắt học phần: Học phần này cung cấp những kiến thức về quản lý trường hợp với trẻ tự kỷ. Học phần đề cập đến các nội dung như mục đích, nguyên tắc, vai trò của quản lý trường hợp với trẻ tự kỷ. Bên cạnh đó học phần cũng đưa ra quy trình quản lý trường hợp trong chăm sóc và phục hồi chức năng cho trẻ tự kỷ cũng như những kỹ năng cần thiết trong quá trình thực hiện quản lý trường hợp với trẻ tự kỷ.

20. Quản lý trường hợp trong hỗ trợ sinh kế người nghèo

Số tín chỉ: 03 tín chỉ

Nội dung tóm tắt học phần: Học phần này cung cấp các kiến thức liên quan đến sinh kế, các nguồn lực để phát triển sinh kế, lý thuyết khung sinh kế bền vững; Các hoạt động công tác xã hội, các loại hình hỗ trợ sinh kế được thực hiện trên một số chính sách xã hội, các lý thuyết được vận dụng và thông qua vai trò và các của các nhân viên công tác xã hội trong hoạt động hỗ trợ sinh kế cho người nghèo.

21. Tham vấn điều trị nghiện ma túy

Số tín chỉ: 03 tín chỉ

Nội dung tóm tắt học phần: Học phần bao gồm những nội dung cơ bản về tham vấn, tham vấn cho người nghiện ma túy, yêu cầu chuyên môn của người tham vấn và đặc biệt đi sâu vào quy trình, kỹ năng tham vấn cho người nghiện. Bên cạnh đó học phần còn cung cấp cho người học những nội dung tham vấn gia đình người nghiện và những

đối tượng đặc thù (như phụ nữ trẻ em) tham gia vào quá trình tham vấn điều trị nghiện ma túy.

22. Tham vấn tâm lý cho trẻ bị xâm hại

Số tín chỉ: 03 tín chỉ

Nội dung tóm tắt học phần: Học phần nhằm trang bị cho người học kiến thức, kỹ năng về tham vấn trị liệu tâm lý cho trẻ em bị xâm hại.

23. Tham vấn trong bệnh viện

Số tín chỉ: 03 tín chỉ

Nội dung tóm tắt học phần: Học phần này thể hiện các nội dung về tham vấn trong bệnh viện, tham vấn cho cá nhân bệnh nhân, nhóm bệnh nhân, người thân, người nhà bệnh nhân, đội ngũ y tế. Nội dung được mô tả chi tiết qua khái niệm, mục đích, ý nghĩa, quy trình và kỹ năng tham vấn cá nhân, tham vấn nhóm, tham vấn gia đình. Học viên được tham vấn về các hoạt động trong bệnh viện và nội dung luật pháp, chính sách, các chương trình, dịch vụ cụ thể trong bệnh viện. Bên cạnh đó, học phần còn thể hiện quá trình tham vấn cho những nhóm bệnh cụ thể của bệnh nhân. Học viên có thể thực hiện được các ca tham vấn cá nhân, gia đình, và tham vấn nhóm tại bệnh viện.

24. Tham vấn cho nạn nhân bị bạo lực gia đình

Số tín chỉ: 03 tín chỉ

Nội dung tóm tắt học phần: Học phần cung cấp cho học viên những kiến thức chung về tham vấn cho nạn nhân bị bạo lực gia đình, đặc điểm tâm sinh lý nạn nhân bị bạo lực gia đình cũng như nhu cầu mong muốn của nạn nhân trong gia đình có bạo lực; Các loại hình tham vấn cá nhân, nhóm và tham vấn gia đình nạn nhân bị bạo lực; Các khái niệm; Nguyên tắc tham vấn cho nạn nhân bị bạo lực gia đình và mối quan hệ đạo đức nghề nghiệp trong tham vấn; Quy trình tham vấn và các kỹ năng, kỹ thuật tham vấn trong tham vấn cá nhân, tham vấn gia đình và tham vấn nhóm cho nạn nhân bị bạo lực gia đình.

2.9. Đối sánh CTĐT với Trường Đại học trong và ngoài nước đã tham khảo

Trong quá trình xây dựng Chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Công tác xã hội, Nhà trường đã tham khảo một số Chương trình đào tạo trong và ngoài nước. Cụ thể như sau:

- **Các chương trình trong nước:**

- Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn – Đại học Quốc gia Hà Nội
- Học viện Phụ nữ Việt Nam

- **Các chương trình nước ngoài**

- California University United State

2.1.1. So sánh các chương trình đào tạo

Bảng 2.9. Đối sánh chương trình đào tạo với các cơ sở đào tạo trong nước

Trường tham khảo	Tương thích về cấu trúc và nội dung	Chương trình đào tạo tham khảo – USSH Hà Nội	Chương trình đào tạo CTXH – ULSA	Mức độ tương đồng
<p>Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn - Đại học Quốc gia Hà Nội (USSH)</p>	<p>Cấu trúc</p>	<p>Tổng: 64 tín chỉ - Khối kiến thức chung: 8 tín chỉ - Khối kiến thức chuyên ngành: 47 tín chỉ + Học phần bắt buộc: 25 tín chỉ + Học phần tự chọn: 22 tín chỉ - Luận văn thạc sĩ: 9 tín chỉ</p>	<p>Tổng: 60 tín chỉ - Khối kiến thức chung: 6 tín chỉ - Khối kiến thức cơ sở: 12 tín chỉ + Học phần bắt buộc: 6 tín chỉ + Học phần tự chọn: 6 tín chỉ Khối kiến thức chuyên ngành: 30 tín chỉ + Học phần bắt buộc: 15 tín chỉ + Học phần tự chọn: 15 tín chỉ - Luận văn thạc sĩ: 12 tín chỉ</p>	<p>Số lượng TC của ULSA ít hơn là 4 TC so với USSH Hà Nội. Có sự khác biệt trong cách gọi và cách phân chia chương trình đào tạo giữa 2 trường. USSH Hà Nội gọi là Khối kiến thức chung, Khối kiến thức chuyên ngành. ULSA ngoài hai Khối kiến thức trên còn có thêm Khối kiến thức cơ sở. Khối kiến thức chung của cả hai trường đều có chung môn Triết, USSH có thêm Ngoại ngữ cơ bản. Mặc dù tổng số tín chỉ của hai trường không có sự chênh lệch nhiều nhưng ULSA có thêm các môn học của Khối kiến thức cơ sở. Ngoài ra các môn học trong khối kiến thức chuyên ngành của hai trường cũng có sự khác biệt lớn. Lý do là vì mỗi cơ sở đào tạo có những thế mạnh riêng nên thường lựa chọn các môn thuộc đặc thù của cơ sở mình.</p>

	<p>Nội dung</p>	<p>Các học phần có tên gọi khác là:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Xây dựng triển khai và đánh giá chính sách 2. Tổ chức và phát triển cộng đồng 3. Hành vi con người và môi trường 4. Công tác xã hội với an sinh xã hội 5. Phát triển và đánh giá dịch vụ CTXH 6. Kỹ năng nghiên cứu trong CTXH 7. Ứng dụng lý thuyết trong thực hành CTXH 8. Thực hành CTXH tại cơ sở 9. Kỹ thuật và mô hình thực hành CTXH và chính sách xã hội với gia đình 10. Thực hành CTXH trong trường học 11. Thực hành CTXH trong lĩnh vực chăm sóc sức 	<p>Các học phần có tên gọi khác là:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Phân tích và hoạch định chính sách 2. Xây dựng và quản lý dự án phát triển cộng đồng 3. Hành vi lệch chuẩn 4. Thực hành chính sách trong CTXH 5. Quản trị trong phát triển tổ chức cung cấp dịch vụ công tác xã hội 6. Nghiên cứu ứng dụng trong CTXH 7. Thực hành công tác xã hội chuyên sâu 1 8. Thực hành công tác xã hội chuyên sâu 2 9. Phúc lợi gia đình và trẻ em 10. Quản lý trường học với trẻ em bị xâm hại trong trường học 	<p>Chương trình tham khảo có nhiều môn khác với ULSA nhưng chủ yếu khác về thuật ngữ, tên gọi còn nội hàm môn học về cơ bản giống nhau chủ yếu ở Khối kiến thức chuyên cơ sở ngành và chuyên ngành. Các môn học trong chương trình đào tạo thạc sĩ của cả hai trường đều tập trung theo hướng ứng dụng, tập trung trang bị cho người học những kiến thức nền tảng để người học có khả năng làm việc độc lập, phát triển tư duy sáng tạo và ứng dụng kiến thức vào các hoạt động can thiệp hỗ trợ các nhóm đối tượng trong lĩnh vực CTXH. Tuy nhiên có một số môn khác biệt là các môn hướng tới CTXH cá nhân, nhóm, Quản trị CTXH vì đó là một trong những đặc thù của USSH. Còn với ULSA thì tập trung nhiều hơn vào các môn liên quan tới chính sách và an sinh xã hội.</p>
--	------------------------	--	---	---

		<p>khỏe tâm thần tại cộng đồng</p> <p>12. Xây dựng và triển khai các dự án xóa đói giảm nghèo</p> <p>13. Kỹ năng làm việc với người lạm dụng chất gây nghiện</p> <p>14. Thực hành trong bệnh viện</p> <p>15. Mô hình và kỹ năng can thiệp đối với bạo lực gia đình</p>	<p>11. Quản lý trường hợp với người tâm thần</p> <p>12. Quản lý trường hợp hỗ trợ sinh kế người nghèo</p> <p>13. Tham vấn điều trị nghiện ma túy</p> <p>14. Thực hành CTXH trong các cơ sở y tế</p> <p>15. Tham vấn cho nạn nhân bị bạo lực gia đình</p>	
<p>Học viện phụ nữ Việt Nam (VWA)</p>	<p>Cấu trúc</p>	<p>Tổng: 60 tín chỉ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khối kiến thức chung: 4 tín chỉ - Khối kiến thức cơ sở ngành: 9 tín chỉ - Khối kiến thức ngành: 32 tín chỉ + Học phần bắt buộc: 14 tín chỉ + Học phần tự chọn: 18 tín chỉ - Luận văn thạc sĩ: 15 tín chỉ 	<p>Tổng: 60 tín chỉ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khối kiến thức chung: 6 tín chỉ - Khối kiến thức cơ sở: 12 tín chỉ + Học phần bắt buộc: 6 tín chỉ + Học phần tự chọn: 6 tín chỉ - Khối kiến thức chuyên ngành: 30 tín chỉ + Học phần bắt buộc: 15 tín chỉ + Học phần tự chọn: 15 tín chỉ - Luận văn thạc sĩ: 12 tín chỉ 	<p>Tổng số lượng tín chỉ chương trình đào tạo thạc sĩ của ULSA và VWA tương đồng nhau (đều là 60 tín chỉ). Về tên gọi các khối kiến thức trong chương trình đào tạo của hai trường cũng không có sự khác biệt. Các Khối kiến thức trong chương trình đào tạo của hai trường được phân bổ khá giống nhau. Có sự khác biệt nhỏ trong Khối kiến thức chung là ngoài môn Triết học như VWA thì ULSA có thêm môn Phương pháp nghiên cứu khoa học. Với Khối kiến thức cơ sở ngành,</p>

				VWA có tổng 9 tín chỉ cho 3 môn bắt buộc thì ULSA có tổng 12 tín chỉ chia đều cho các học phần bắt buộc (6 tín chỉ) và các học phần tự chọn (6 tín chỉ).
	Nội dung	Các học phần có tên gọi khác là: <ol style="list-style-type: none"> 1. Phương pháp nghiên cứu chuyên sâu trong CTXH 2. Giới và An sinh xã hội 3. Hành vi con người và môi trường 4. CTXH trong chăm sóc, bảo vệ trẻ em khỏi xâm hại, bóc lột và xao nhãng 5. CTXH trong hoạt động khám và điều trị tại bệnh viện 6. Can thiệp hỗ trợ người khuyết tật 	Các học phần có tên gọi khác là: <ol style="list-style-type: none"> 1. Nghiên cứu ứng dụng trong CTXH 2. Giới và phát triển bền vững 3. Hành vi lệch chuẩn 4. Tham vấn tâm lý cho trẻ em bị xâm hại 5. Tham vấn trong bệnh viện 6. Phục hồi chức năng cho người khuyết tật dựa vào cộng đồng 	Đôi với Khối kiến thức chung, không có sự khác biệt quá lớn giữa 2 chương trình đào tạo của 2 cơ sở đào tạo (giống nhau ở môn Triết học). Đôi với Khối kiến thức cơ sở ngành, điểm khác biệt là ULSA chia thành học phần bắt buộc và tự chọn, tuy nhiên các môn học trong Khối kiến thức này ở hai trường khá tương đồng với nhau cả về nội dung môn học và số tín chỉ của mỗi học phần. Điểm khác biệt nằm ở Khối kiến thức chuyên ngành của hai trường. Điểm khác biệt thứ nhất là về tên gọi của các môn học. Ngoài nhiều môn học giống nhau thì có một số môn học khác nhau về thuật ngữ, tên gọi nhưng nội hàm và số tín chỉ tương đồng nhau ở cả hai trường. Điểm khác biệt thứ hai tập trung ở một số môn học mang tính đặc trưng, đặc thù của mỗi trường.

			<p>Chương trình đào tạo của VWA nhấn mạnh tới các môn liên quan tới kiến thức, kỹ năng, nghiệp vụ với phụ nữ , công tác phụ nữ (ví dụ: Giới và An sinh xã hội, CTXH trong lĩnh vực bình đẳng giới và bạo lực trên cơ sở giới, CTXH trong chăm sóc sức khỏe tâm thần cho phụ nữ,...) thì chương trình của ULSA nhấn mạnh nhiều hơn các môn liên quan tới an sinh và chính sách; các nhóm đối tượng thuộc bảo trợ xã hội (ví dụ: Kỹ năng lãnh đạo và quản lý, Công tác xã hội với An sinh xã hội, Phúc lợi gia đình và trẻ em,...)</p> <p>Nhìn chung Chương trình đào tạo thạc sĩ năm 2021 của VWA và ULSA khá tương đồng cả về cấu trúc chương trình, sự phân bổ các Khối kiến thức và số tín chỉ các môn học cũng như nội dung của chương trình đào tạo đều hướng đến việc trang bị cho người học các kiến thức tổng hợp, chuyên môn sâu rộng để có năng lực làm việc độc lập, trở thành các nhà</p>
--	--	--	--

				thực hành dịch vụ xã hội.
--	--	--	--	---------------------------

Bảng 2.10. Đối sánh chương trình đào tạo với các cơ sở đào tạo nước ngoài

Trường tham khảo	Tương thích về cấu trúc và nội dung	Chương trình đào tạo tham khảo	Chương trình đào tạo CTXH – ULSA	Mức độ tương đồng
California University United State	Cấu trúc	<p>Chương trình thạc sĩ Công tác xã hội của California University United State được thiết kế bao gồm hai Khối kiến thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khối kiến thức nền tảng - Khối kiến thức nâng cao <p>Khối kiến thức nền tảng trang bị cho người học tư duy phản biện, hiểu biết về các giá trị, tiêu chuẩn đạo đức và nguyên tắc của nghề công tác xã hội, cách áp dụng các kỹ năng thực hành công tác xã hội tổng quát... Khối kiến thức nâng cao chuẩn bị cho người học biết cách thực hành công tác xã hội chuyên nghiệp một cách độc lập. Người học phải</p>	<p>Chương trình thạc sĩ Công tác xã hội ULSA có tổng 60 tín chỉ, bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khối kiến thức chung: 6 tín chỉ - Khối kiến thức cơ sở: 12 tín chỉ + Học phần bắt buộc: 6 tín chỉ + Học phần tự chọn: 6 tín chỉ - Khối kiến thức chuyên ngành: 30 tín chỉ + Học phần bắt buộc: 15 tín chỉ + Học phần tự chọn: 15 tín chỉ - Luận văn thạc sĩ: 12 tín chỉ 	<p>Chương trình của ULSA và trường California University United State cơ bản là tương đồng cấu trúc các Khối kiến thức và sự phân bổ các môn học trong các Khối kiến thức. Cách thức phân bổ có chút khác biệt khi trường University United State phân chia theo đơn vị học kỳ còn ULSA phân chia khối lượng kiến thức theo tín chỉ. Tuy nhiên về cơ bản 2 chương trình là tương đồng về mặt cấu trúc các môn học</p>

		hoàn thành chương trình trong 2 năm. Riêng Khối kiến thức nâng cao được thiết kế trong 2 học kỳ.		
	Nội dung	<p>Các học phần trong Chương trình đào tạo:</p> <p>Khối kiến thức nền tảng gồm:</p> <p>Quan điểm Công tác Xã hội về Hành vi Con người I</p> <p>Quan điểm Công tác Xã hội về Hành vi Con người II</p> <p>Thực hành Công tác xã hội I</p> <p>Thực hành Công tác xã hội II</p> <p>sách phúc lợi xã hội và dịch vụ I</p> <p>Chính sách phúc lợi xã hội và dịch vụ II</p> <p>Phương pháp nghiên cứu công tác xã hội ứng dụng I</p> <p>Hướng dẫn Lĩnh vực Công tác Xã hội I</p> <p>Hướng dẫn Thực địa Công tác Xã hội II</p> <p>Thực hành Công tác xã hội với các nhóm dân cư đa dạng</p> <p>Khối kiến thức nâng cao gồm:</p> <p><i>Các học phần bắt buộc:</i></p> <p>Phúc lợi trẻ em:</p> <p>Thực hành nâng cao</p>	<p>Các học phần trong chương trình đào tạo ULSA: mặc dù nhiều môn tên gọi có khác nhưng đa số các học phần khá giống với.</p> <p>Sức khỏe hành vi trong CTXH</p> <p>Phúc lợi gia đình và trẻ em</p> <p>CTXH với An sinh xã hội</p> <p>Nghiên cứu ứng dụng trong CTXH</p> <p>Thực hành CTXH chuyên sâu 1</p> <p>Thực hành CTXH chuyên sâu 2</p> <p>...</p>	<p>Về nội dung cơ bản 2 chương trình có các học phần trong Khối kiến thức nền tảng và nâng cao là khá tương đồng như các môn liên quan tới CTXH nói chung hay các vấn đề về thực hành CTXH. Sự khác biệt ở các môn chuyên sâu và theo hướng đặc thù của mỗi cơ sở đào tạo.</p> <p>Chương trình đào tạo của cả hai trường đều hướng đến nghiên cứu ứng dụng, trang bị cho người học khả năng làm việc độc lập và có khả năng vận dụng kiến thức các học phần để thực hành công tác xã hội chuyên nghiệp một cách độc lập, sáng tạo.</p>

		<p>Chính sách Phúc lợi Trẻ em và Công tác Xã hội</p> <p>Sức khỏe tâm thần cộng đồng</p> <p>Sức khỏe Tâm thần Cộng đồng: Thực hành Nâng cao</p> <p>Chính sách Sức khỏe Tâm thần và Công tác Xã hội</p> <p>Lão hóa: Quan điểm Đa thế hệ</p> <p>Lão hóa: Quan điểm đa thế hệ: Thực hành công tác xã hội nâng cao</p> <p>Lão hóa & Quan điểm đa thế hệ trong thực hành chính sách và công tác xã hội</p> <p><i>Các học phần tự chọn</i></p> <p>Tất cả học sinh đều Thực hành Công tác Xã hội trong Điều trị Lạm dụng Chất gây nghiện</p> <p>Quan điểm Công tác Xã hội về Tâm lý học Phát triển và Bồi cảnh Gia đình</p> <p>Tâm linh, Tôn giáo và Công tác xã hội</p> <p>Thực hành Công tác Xã hội Tập trung vào Chấn thương</p>		
--	--	---	--	--

III. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Chương trình đào tạo này được áp dụng từ khóa tuyển sinh năm 2022. Chương trình đào tạo được thực hiện theo kế hoạch giảng dạy của Nhà trường.

Các học phần được phân công giảng dạy bởi các khoa quản lý học phần và được giảng dạy theo đề cương chi tiết học phần thống nhất đã được phê duyệt. Tất cả các hoạt động giảng dạy và đánh giá thực hiện phù hợp với đặc tả trong chương trình đào tạo.

Việc tổ chức giảng dạy, kiểm tra, đánh giá học phần được thực hiện theo các quy chế đào tạo theo tín chỉ và các quy định có liên quan hiện hành của Trường Đại học Lao động – Xã hội.

Trưởng khoa Công tác xã hội, Trưởng phòng Khoa học và Hợp tác quốc tế, hướng dẫn các nguyên tắc để phát triển đề cương chi tiết nhằm đảm bảo mục tiêu, nội dung và các yêu cầu được đáp ứng, đồng thời thỏa mãn được nhu cầu người học và xã hội. Dựa trên đề cương chi tiết học phần, Trưởng khoa đề xuất các điều kiện phục vụ cho công tác đào tạo về đội ngũ, trang thiết bị, quan hệ doanh nghiệp, thực tập.

Chương trình đào tạo được rà soát cập nhật 02 năm một lần.

HIỆU TRƯỞNG

Hà Xuân Hùng